

**LỊCH SỬ NGÀNH GIÁO DỤC  
HUYỆN PHỔ YÊN**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC  
HUYỆN PHỔ YÊN

PHÒNG GIÁO DỤC HUYỆN PHỔ YÊN

**Lịch sử**  
**NGÀNH GIÁO DỤC**  
**HUYỆN PHỔ YÊN**

NHÓM BIÊN SOẠN:

- Tôn Quốc Thu (Chủ biên)

- Hồ Thế Mộng

**NĂM 2007**

THÔNG BÁO ĐỨC HUYỆN PHỔ YÊN

Lịch sử  
NGÀNH GIÁO DỤC  
HUYỆN PHỔ YÊN

**NHÓM BIÊN SOẠN:**

- Trần Quốc Thu (Chủ biên)
- Hà Thế Mận

NĂM 2007



## LỜI GIỚI THIỆU

Phổ Yên là một vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hoá và giáo dục.

Được sự nhất trí của Huyện uỷ, UBND huyện Phổ Yên, Phòng giáo dục Phổ Yên chủ trương xuất bản cuốn sách “Lịch sử ngành giáo dục huyện Phổ Yên” nhằm ghi lại những chặng đường đầy khó khăn, gian khổ nhưng vô cùng vẻ vang của thầy, trò và nhân dân huyện Phổ Yên trong sự nghiệp giáo dục.

Cuốn sách được sự tham gia ý kiến đóng góp nhiệt tình của các đồng chí lãnh đạo huyện, lãnh đạo ngành, của các thầy, cô giáo nhiều thế hệ.

Do điều kiện thời gian còn hạn hẹp và đặc biệt là những khó khăn chủ quan và khách quan khi tiến hành biên soạn một cuốn sách lịch sử, chắc chắn cuốn sách sẽ có những khiếm khuyết không tránh khỏi. Rất mong bạn đọc xa, gần lượng thứ và góp ý để khi có điều kiện tái bản cuốn sách được hoàn thiện hơn.

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC HUYỆN PHỔ YÊN  
NGUYỄN THANH CAO

## LỜI GIỚI THIỆU

Phở Yên là một vùng đất giàu truyền thống lịch sử và một xã giàu văn hóa.

Trong sự nghiệp của Huyện ủy, UBND huyện Yên Yên, Phòng giáo dục Yên Yên cũng như trong suốt quá trình công tác của Phòng giáo dục Yên Yên, chúng tôi luôn nhận thấy vai trò của thầy cô giáo trong sự nghiệp giáo dục.

Cuốn sách được sự tham gia ý kiến đóng góp nhiệt tình của các đồng chí lãnh đạo huyện, lãnh đạo ngành của các thầy cô giáo nhiều thế hệ.

Do điều kiện thời gian còn hạn hẹp về đặc biệt là những khó khăn chủ quan về khâu quản lý tài liệu nên biên soạn một cuốn sách lịch sử chắc chắn cuốn sách sẽ có những thiếu sót không tránh khỏi. Rất mong bạn đọc xa gần tương trợ và góp ý để khi có lần sau tái bản cuốn sách được hoàn thiện hơn.

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC HUYỆN YÊN YÊN  
NGUYỄN THANH CAO

## **CHƯƠNG I**

# **GIÁO DỤC HUYỆN PHỔ YÊN THỜI PHONG KIẾN**

Phổ Yên là huyện nằm ở cực nam của tỉnh Thái Nguyên, nơi hợp lưu của sông Cầu (sông Phú Lương xưa) và sông Công (sông Giã Giang xưa).

Đất Phổ Yên ngày nay, thời các vua Hùng thuộc bộ Vũ Định, thời nhà Hán thuộc huyện Long Biên, thời nhà Tùy thuộc huyện Phong Khê. Theo các thư tịch cổ và nhận định của một số nhà địa lý học lịch sử có uy tín, thì Phổ Yên chính là huyện Thái Bình thời nhà Đường, nhà Lương - nơi quê hương của Lý Bí (Lý Bôn - Lý Nam Đế), người đã lãnh đạo thắng lợi cuộc khởi nghĩa lật đổ ách cai trị của nhà Lương thiết lập Nhà nước Vạn Xuân độc lập năm 544.

Vào năm Quang Thái thứ 10 (1397), nhà Trần đặt trấn Thái Nguyên gồm 11 huyện, trong đó có huyện Yên Định (An Định - 1469 đổi là huyện Phổ An hay huyện Phổ Yên), trấn lỵ đặt tại xã Bình Kỳ (nay là xã Bình Kỳ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội) kể từ đó cho đến năm 1807.

Năm 1087, vua Gia Long nhà Nguyễn lập phân phủ Thiên Phúc (sau là phủ Bắc Hà) thuộc xứ Kinh Bắc và dời lỵ sở Thái Nguyên từ xã Bình Kỳ lên xã Đồng Mỗ, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên)<sup>(1)</sup>. Phải tới những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, toàn bộ phần đất phía nam - đông nam huyện Phổ Yên mới được cắt về cho tỉnh Thái Nguyên<sup>(2)</sup>.

Nhờ có vị trí quan trọng về địa - chính trị, địa - quân sự, địa - kinh tế, huyện Phổ Yên đã đóng một vai trò rất lớn trong lịch sử xây dựng và phát triển của trấn - tỉnh Thái Nguyên.

**Về Văn hoá - Giáo dục:** Chữ nho đã thâm nhập vào Việt Nam từ thời lệ thuộc nhà Hán Phương bắc, nó đã trở thành văn tự chính thống của Nhà nước thời phong kiến, trong đó có trấn Thái Nguyên, huyện Phổ Yên.

Từ thời kỳ nhà Lý (1010-1225) nước ta đã là một nước văn hiến. Triều đình đã coi trọng và phát triển nho học để đào tạo nhân tài ra giúp nước. Tuy vậy, số trường lớp chưa nhiều, số người học còn ít, hầu hết là



con ông cháu cha theo học để "Vinh thân phì gia", làm vẻ vang cho dòng họ, ra làm quan lại triều đình.

Thái Nguyên thuộc tỉnh miền núi và trung du, kinh tế và văn hoá còn chậm phát triển hơn vùng đồng bằng nên chưa có trường công lập ở các phủ, huyện. Phần lớn là các lớp học "tự gia" do các nhà khá giả nuôi các thầy đồ để dạy con cháu trong nhà. Về sau, các gia đình mở rộng thêm cho trẻ trong làng vào học để tăng thu nhập cho thầy đồ. Ngoài lớp "tự gia" còn có lớp "tự thực" do các nho sĩ mở tại nhà mình. Trường lớp thật đơn giản, thường có một phen gỗ, trên có sách, bút, nghiên mực của thầy đồ. Thầy đồ ngồi giữa phán, tay cầm roi mây giữ yên lớp học, học trò giải chiếu xúm quanh phán thầy ngồi hoặc đứng tựa cột quanh nhà học bài. Nội dung giáo dục chủ yếu hai môn đạo đức và văn chương, "Tiên học lễ, hậu học văn". Về đạo đức thì học đạo đức Khổng Giáo (Tam Cương, Ngũ Thường). Về văn học chủ yếu là sách kinh sử của Trung Quốc, học từ thấp lên cao, từ tam tự kinh đến tứ thư ngũ kinh. Phương pháp học tập chủ yếu là truyền miệng.

Lớp học có khoảng 30 học trò, trình độ rất khác nhau thường thì học sinh học các sách lớp trên giúp thầy đồ kèm cặp học sinh lớp dưới, lớp mới vào học. Học trò học thầy nào thì lập hội "môn sinh" của thầy ấy. Nhiệm vụ chính của hội ngoài việc giúp nhau học tập, chăm sóc thầy đồ lúc khoẻ cũng như lúc ốm đau.

Khi thầy đồ qua đời học trò làm ma, "Sống tết, chết giỗ". Năm học theo năm âm lịch, học trò phải đóng học phí theo năm học, ngoài học phí năm còn có các lễ vật vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc, nhất là Tết nguyên đán. Thầy đồ là các danh nho, có thầy đồ đạt có thầy chưa đỗ đạt. Tất cả đều được nhân dân và học sinh trọng vọng, "Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy", " Không thầy đố mày làm nên". Đặc biệt, nhân dân coi coi thầy là trí thức của dân thường, nhờ thầy tư vấn nhiều việc công làng, xã cũng như việc riêng tư của gia đình. Thầy đồ đều đạo mạo, mẫu mực rất đáng được tôn vinh. Nhân dân Phổ Yên rất hiếu học, "Tôn sư, trọng đạo", nhà nào cũng có văn chỉ thờ Khổng Tử, cả huyện xây một văn miếu tại xã Cốt Ngạnh (nay thuộc xã Đắc Sơn) vào năm Minh Mệnh thứ 13 (1814). Ở huyện lỵ, nhiều làng có quỹ khuyến học, thôn Vân Trai xã Tân Phú có học điền của họ Trần.

Minh chứng cho Phổ Yên là "đất có học" là sự đỗ đạt đại khoa của các danh nhân Nguyễn Cấu, Đỗ Cận...

- Nguyễn Cấu (?.. - 1522) quê ở làng Thanh Thù, tổng Tiểu Lễ, huyện Thiên Phúc, Phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc (nguyên là huyện Tân Phúc, phủ Bắc Giang hồi thế kỉ XV) nay là làng Thanh Thù, xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên. Ông đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất

thân (tiến sĩ) khoa Quý Mùi, niên hiệu Quang Thuận năm thứ 4 (1463).

Nguyễn Cấu làm quan trong suốt 6 đời vua Lê từ 1463 đến tận 1522, chủ yếu giữ trọng trách bảo vệ Vua, bảo vệ cung cấm, chức vụ lớn nhất từng giữ là Thị vệ xứ.

- Đỗ Cận (1434 - ..?) tên thật là Đỗ Viễn, tự là Hữu Khác, hiệu là Phổ Sơn, quê ở xã Thống Thượng, huyện Phổ Yên (nay là thôn Thống Thượng, xã Minh Đức, huyện Phổ Yên). Ông đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân (tiến sĩ) khoa thi Mậu Tuất niên hiệu Hồng Đức năm thứ 9 (1478) thời vua Lê Thánh Tông, khi 45 tuổi.

Đỗ Cận là 1 trong 28 vị thuộc "Tao đàn nhị thập bát tú" do Lê Thánh Tông làm Tao đàn Nguyễn soái.

Năm 1483, ông được cử làm Phó sứ trong đoàn sứ thần nhà Lê sang tiến cống nhà Minh. Triều đình nhà Lê từng cử ông giữ chức Bố chánh Quảng Nam, Thượng Thư (bộ trưởng ngày nay) nhưng chưa rõ bộ nào.

Tác phẩm của Đỗ Cận nay chỉ còn 2 bài thơ nổi tiếng in trong "Toàn Việt thi lục" do Lê Quý Đôn tổng hợp, đó là: "Xuân yến" và "Thái Thạch vãng bạc". Tương truyền, ông còn là tác giả của tác phẩm truyện thơ nôm "Phan Trần".

Sự phát triển nho học trong huyện cũng không đồng đều. Thịnh nhất là ở các thôn Vân Trai, Phù Lôi (tổng Thượng Dã), Hoàng Đàm (tổng Hoàng Đàm). Ở những nơi này có nhiều nho sĩ, nhiều danh nhân văn hoá của huyện.



***Thôn Vân Trai tục gọi là làng Vân - Giai, có:***

- Cụ Trần Ngọc Oanh, giám sinh Quốc tử Giám đời vua Lê Thánh Tông, thi võ đậu và được phong chức trưởng vệ tứ thành - trông coi việc binh của 4 tỉnh miền núi phía Bắc (Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên).

- Cụ Trần Huyền Long, đỗ sinh đồ đời vua Lê Kiến Tông, là giáo sư trường quốc lập phủ Bắc Hà, trấn Kinh Bắc.

- Cụ Trần Thái Vận, đỗ sinh đồ đời vua Lê Thuận Tông, được phong thập lí hầu, giữ chức Xa giá chương vệ quan ở kinh thành Thăng Long.

- Cụ Trần Mậu Khải, đỗ Hương cống đời vua Lê Cảnh Hưng lúc còn nhỏ tuổi. Năm 1835, đời vua Minh Mệnh nhà Nguyễn cử giữ chức tri phủ, phủ Tông Hoá của tỉnh Thái Nguyên. Sau đó được cử làm binh bộ viên ngoài làng ở Huế.

Ngoài ra còn có hơn 10 cụ mở trường dạy tư tại quê nhà.

***Ở các xã khác trong huyện có:***

- Cụ họ Hoàng, người thôn Đông Hạ, xã Tiên Lễ, tổng Tri Lễ đỗ sinh đồ được nhà Lê cử làm tri huyện huyện Hiệp Hoà trấn Kinh Bắc. Cụ là nhạc phụ của cụ Trần Mậu Khải, tri phủ của phủ Tông Hoá.

- Cụ Nguyễn Quang, là thuỷ tổ của họ Nguyễn ở xã Hoàng Đàm, tổng Hoàng Đàm, huyện Phổ Yên. Cụ đỗ cử nhân và được vua Minh Mệnh cử làm tri



huyện Phổ Yên sau khi xoá bỏ quyền thế tập họ Ma của người Tày.

- Cụ Phạm, người xã Phù Lôi, tổng Hoàng Dã, huyện Phổ Yên đỗ cử nhân đời vua Minh Mệnh nhà Nguyễn.

Cụ là môn sinh của cụ Trần Phúc Ngạn, thầy đồ thôn Văn Trai (là thân phụ của tri phủ Trần Mậu Khải).

*Ngài ra còn có một số danh nhân văn hoá đã sống và làm việc tại huyện Phổ Yên như:*

- Ngô Thì Sĩ (1726 -1780) người ở xã Tả Thanh Oai, trấn Sơn Nam. Chúa Trịnh Doanh cử làm quan Đốc đồng, chức quan coi việc tổ tụng dân sự ở trấn Thái Nguyên năm 1763 - 1767. Khi làm quan ở Thái Nguyên, ông có viết bài thơ "Thái Nguyên tức cảnh" lưu truyền đến ngày nay.

- Ngô Thị Nhậm (1746 - 1803), là con trưởng Ngô Thì Sĩ, tự là Huy Doãn hiệu là Đạt Hiên, làm quan Đốc đồng xứ Thái Nguyên từ 1778 đến 1780. Ông là tác giả của tác phẩm "Thái Nguyên địa hình - bình tặc ký" miêu tả về cảnh vật, con người Thái Nguyên.

- Nguyễn Du:

Quê ở xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là con quan Đại tư đồ Nguyễn Nghiêm đời vua Lê Cảnh Hưng. Năm 1783, ông thi Hương và đậu Tam trường (sinh đồ). Đầu năm 1784, ông nhậm chức ở huyện Phú Lương, rồi Chánh thủ biện trấn Thái Nguyên. Khi vua Quang Trung ra Bắc lần thứ nhất đã bắt được ông. Nhà vua biết ông là người có tài nên tha cho về ở ẩn tại quê ở Thái Bình.

## **CHƯƠNG II**

### **GIÁO DỤC CỦA PHỔ YÊN**

#### **THỜI THUỘC PHÁP (1884-09/3/1945)**

Đế quốc Pháp âm mưu lâu dài biến nước ta thành thuộc địa. Đi đôi với việc đàn áp về chính trị, bản cùng hoá về kinh tế, truy lạc hoá về xã hội, Pháp đã thực hiện "chính sách ngu dân" về mặt văn hoá, giáo dục.

Pháp mở trường "hậu bổ" đào tạo lại để sử dụng các quan lại cũ là các nho sĩ trong khi chưa đào tạo kịp đội ngũ tay sai mới.

Trong số hơn 10 tri phủ, tri huyện Phổ Yên chỉ có một tri huyện Đào Bá Cường có bằng cử nhân luật khoa do Pháp đào tạo, còn lại là các quan lại nho sĩ cũ.

Việc thi cử nho học cũng bị bác bỏ. Năm 1918 là năm thi Hương cuối cùng dưới triều Nguyễn thời vua Duy Tân.

Chữ nho không còn là văn tự hành chính Nhà nước "bảo hộ". Triều đình nhà Nguyễn chỉ còn dùng chữ nho trong việc phong sắc cho các thần, phong phẩm hàm cho các lý dịch, các tổng xã và các quan lại bản xứ.

Trong khi hạn chế dần chữ nho, đế quốc Pháp lại rất dè dặt trong việc mở mang tân học ở Đông Dương và Việt Nam. Tuy nhiên do phải đào tạo một lớp người phục vụ bộ máy thống trị và sự khai thác Đông Dương của chúng nên đến 1931 Pháp mở một trường kiêm bị ở thị xã Thái Nguyên (toàn cấp tiểu học). Năm 1933, chúng mở thêm một số trường bán cấp tiểu học ở một số tổng và xã đông dân. Ở huyện Phổ Yên có các trường Hoàng Đàm, Đắc Hiền, Tiểu Lễ, Bạch Đoài. Gọi là trường, song mỗi trường chỉ có một thầy giáo dạy 3 lớp ghép từ lớp đồng ấu, dự bị, sơ đẳng, có khoảng 40 - 50 học sinh. Lớp học đặt tại đình làng, bàn ghế do nhân dân tự sắm và Pháp trả lương cho giáo viên.

Ở lớp đồng ấu, học kỳ I dạy vỡ lòng, học kỳ II học sinh bước vào lớp 1. Nội dung lịch sử, địa lý Việt Nam chỉ học sơ qua, còn lịch sử, địa lý của Pháp lại học kỹ. Môn công dân giáo dục dạy phải trung thành với nước Pháp. Ở cấp tiểu học vẫn học tiếng Việt; tiếng Pháp phải học một số giờ bắt buộc. Chương trình học, sách giáo khoa ít thay đổi.



Học hết lớp sơ đẳng, học sinh phải thi viết 2 môn chính tả, làm văn và một môn làm tính. Người trúng cử được cấp văn bằng "Sơ học yếu lược".

Đến năm 1936, Pháp mở trường kiêm bị tại đình làng Hoàng Đàm - Thôn Hoàng Đàm - xã Nam Tiến hiện nay. Trường học được xây dựng cấp 4, Pháp cho 300đ Đông dương, các tổng phải góp 100đ. Trường có 3 lớp: Lớp nhì thứ nhất, lớp nhì thứ hai, lớp nhất. Đây là trường tiểu học toàn cấp đầu tiên của huyện. Cùng thời gian này Pháp cũng mở trường ở các huyện Đại Từ, Phú Bình. Cả tỉnh Thái Nguyên chỉ có 5 trường tiểu học toàn cấp. Trường học vẫn đặt tại đình làng Hoàng Đàm. Thầy giáo hiệu trưởng là Lê Tiến Ấp, sau đó là Phạm Huy Châu. Nội dung học tập mở rộng hơn bậc sơ học yếu lược. Tiếng Pháp học bắt buộc ở tất cả các môn học, trừ môn học tập làm văn. Chương trình học, sách giáo khoa cũng ít thay đổi.

Học sinh hầu hết là con nhà khá giả. Học hết 3 năm học sinh về thị xã Thái Nguyên thi hết cấp. Học sinh tốt nghiệp được cấp bằng "Sơ học Pháp - Việt" (Gọi là bằng Sec-ti-fi-ca). Học sinh sau khi tốt nghiệp Sơ học Pháp - Việt, muốn học lên bậc "Cao đẳng tiểu học" phải về Hà Nội.

Cả Bắc Bộ, Pháp chỉ mở một số trường cao đẳng tiểu học, gọi là trường Thành Chung (tương đương với bậc THCS hiện nay) ở Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh,

Lạng Sơn và Nam Định. Do đó, rất ít học sinh tỉnh Thái Nguyên được học lên, Phổ Yên không có ai.

Năm 1940, Pháp mở thêm một số trường bán cấp tiểu học ở các xã đông dân, gọi là trường hương học. Mỗi trường cũng chỉ có một giáo viên dạy các lớp ghép từ đồng ấu đến dự bị (giáo viên chỉ có bằng sơ học yếu lược) và từ đồng ấu, dự bị, sơ đẳng đối với giáo viên có bằng từ sơ học Pháp - Việt trở lên. Các trường này đặt ở các xã: Phù Lôi, Thượng Dã, Văn Phú, Đông Cao, Tiên Thù, Thanh Thù, Sơn Cốt, Vạn Phái, Tông Vụ, Thượng Nhân, Phúc Thuận.

Trường học được đặt tại xã nên số học sinh nam, nữ con em lao động tăng lên (trước đó chưa có học sinh nữ).

Về tổ chức quản lý giáo dục thời đó, ở tỉnh có Nha học chính tỉnh trực thuộc Nha học chính Bắc Kỳ ở Hà Nội. Đúng đầu Nha học chính Thái Nguyên có quan Kiểm học Trần Ngọc Quang. Nha học chính chưa có tổ chức quản lý các trường. Pháp trả lương cho toàn bộ giáo viên của huyện. Hàng tháng lên huyện lĩnh lương.

Ngoài việc trả lương, Pháp sử dụng hai hình thức mua chuộc giáo viên:

- Người có bằng sơ học Pháp - Việt trở lên được tham gia vào hội đồng kỳ mục xã.

- Người dạy học miễn cán lâu năm được thưởng hàm từ cửu phẩm văn giai trở lên (coi giáo dục là ngạch học quan).

Do sự kìm hãm về mặt giáo dục như vậy, cả huyện Phổ Yên chỉ có 3 - 4 thầy giáo trường kiêm bị huyện nơi khác đến là có bằng cao đẳng tiểu học (gọi là bằng Đip - lom).

Toàn huyện có 14 người có bằng sơ học Pháp - Việt học ở trường kiêm bị huyện Phổ Yên: Nguyễn Quang Hành, Lê Đình Sa (xã Hoàng Đàm), Nguyễn Mạnh Tiết (xã Sơn Cốt), Nguyễn Đình Xuyên, Nguyễn Viết Chình, Lê Tại (xã Đồng Tiến), Nguyễn Văn Dật (xã Đắc Hiền), Trần Quốc Thu (xã Văn Phú), Nguyễn Khắc Ân (xã Đồng Tiến), Nguyễn Văn Lương (xã Đan Hà), Trần Sửu, Nguyễn Văn Nguyên (xã Vạn Phái), Nguyễn Văn Phú (xã Tiên Lễ), Nguyễn Văn Chình (xã Đông Cao).

Ngoài ra còn có một số thầy giáo dạy các trường ở các xã như: Nguyễn Mạnh Khánh, Phạm Ngọc Lễ. Số người có bằng sơ học yếu lược, toàn huyện có khoảng trên dưới 150 người.

Tóm lại, số người thất học chữ quốc ngữ của huyện khá lớn, chiếm trên 90% dân số. Đa số tổng lý, kỳ hào đều đọc thông viết thạo. Trớ trêu thay có người chỉ học lấy chữ ký để khỏi phải điếm chỉ vào công văn, giấy tờ.

Trên đây là kết quả gạn thế kỷ "khai sáng" của Pháp ở Phổ Yên.



### **CHƯƠNG III**

## **SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CỦA HUYỆN TRONG GIAI ĐOẠN KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946 - 1954)**

#### **A. CÔNG TÁC XOÁ NẠN MÙ CHỮ:**

Phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ngày 03/9/1945, Hồ Chủ tịch đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách trước mắt để củng cố chính quyền Cách mạng, trong đó có nhiệm vụ xoá nạn mù chữ mà Người gọi là "diệt giặc dốt".

Ngày 07/9/1945, Người ra sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ (BDHV) trong Bộ quốc gia giáo dục do ông Nguyễn Công Mỹ làm giám đốc. Tỉnh Thái Nguyên lập ty BDHV do ông Lại Đức Thông làm trưởng ty. Huyện Phổ Yên lập ban BDHV huyện do ông Phạm Văn Hợp, người ở phố Chã xã Tân Tiến làm

trưởng ban. Ở tất cả các xã đều lập ban BDHV xã. Đi đôi với việc lập ban BDHV thành lập các ban vận động thanh toán nạn mù chữ huyện và xã (TTNMC) gồm đại biểu các đoàn thể quần chúng trong mặt trận Việt Minh huyện và xã. Nha Bình dân học vụ của Bộ Giáo dục đề ra mục tiêu trước mắt là xoá nạn mù chữ cho lứa tuổi nam từ 14 - tuổi 27, nữ đến 40. Thầy giáo là tất cả những người đã biết chữ dạy người chưa biết chữ, không phân biệt lứa tuổi, người biết nhiều dạy người biết ít. Giờ học vào ngoài giờ sản xuất, vào buổi trưa (thường là phụ nữ có con nhỏ) hoặc buổi tối (thường là nam, nữ thanh niên). Giấy, bút, mực của thầy giáo và học viên rất đa dạng, tất cả đều tự túc, từ bảng đen đến nền đất, sân gạch, phấn, gạch non, than củi, đất sét ...

Có sống qua những ngày tháng thanh toán nạn mù chữ trong huyện mới thấy được hết ý nghĩa những ngày hội của quần chúng thực sự sôi nổi, rộng khắp giữa lúc bụng đói, bận rộn bề công việc cách mạng. Người dạy lao động vất vả ngoài đồng ruộng hoặc trên sân tập quân sự rồi giữa lúc nắng hè gay gắt hay ngày đông rét mướt, đã đem hết nhiệt tình và tâm huyết hướng dẫn người học. Có khi vợ dạy chồng, con cháu dạy học cha, bác. Lại có người vừa dạy vừa phải học thêm để dạy tốt hơn. Người làm công tác vận động nhiều khi còn giúp học viên giấy, bút, mực, phấn. Thậm chí có bà con còn làm giúp việc gia đình cho chị em con mọn được rảnh tay đến lớp học. Học viên



đa phần là phụ nữ, lớp người chịu nhiều sự bất công dưới chế độ cũ trong đó không được học hành. Nay nhờ ơn cách mạng được học “cái chữ” của Bác Hồ, ai nấy đều hồ hởi, phấn khởi đi học. Trong nắng hè oi ả, giữa buổi trưa tiếng mẹ “ê - a” đánh vần xen lẫn tiếng “bi - ô” của con trẻ theo mẹ đến lớp. Có cả các bà tóc đã điểm sương, ngoài diện phải đi học, song thấy học được chữ cũng là một quyền lợi được cách mạng đem lại cứ đến lớp học đều đặn.

Ban giáo dục các xã còn đặt ra nhiều biện pháp thúc đẩy việc giảng dạy và học tập. Giữa các buổi lao động ngoài đồng ruộng, nghỉ giải lao cũng “truy bài” lẫn nhau. Các phiên chợ, trên nón các bà, các chị cũng dán các chữ cái. Công chợ cũng có các trạm kiểm tra kết quả học tập. Ai thuộc mặt chữ được vào chợ ngay. Người chưa thuộc phải đi qua “công mù”. Nhiều người chạnh lòng tự ái khi về đã ra công học tập.

Với tất cả những cố gắng đó, đến năm 1947 Phố Yên đã được tỉnh công nhận hoàn thành nhiệm vụ “diệt giặc đốt” đã đề ra. Năm 1945 - 1946, nông dân còn mù chữ nên cuộc bầu cử Quốc hội khoá 1 và HĐND tỉnh, xã khoá 1, cử tri chưa viết được phiếu phải có tổ viết hộ. Đến cuộc bầu cử HĐND tỉnh, xã năm 1949, hầu hết các cử tri đã tự viết được phiếu bầu. Các tổ chức ở xã, thêm ngày càng có nhiều nông dân lao động tham gia.

Tuy vậy, kết quả xoá nạn mù chữ không đều nhau. Ở các thôn bản các xã miền núi, nhân dân ở thưa thớt

lại thiếu người dạy nên tỷ lệ xoá mù chữ đạt khoảng 70%. Sau khi đã xoá nạn mù chữ, cuộc kháng chiến chống Pháp ngày càng mở rộng, không tổ chức được bổ túc văn hoá (BTVH). Nhiều người đã quên dần, trở lại mù chữ (chữ biết, chữ không biết). Hay còn gọi là “mờ chữ”

## **B. GIÁO DỤC PHỔ THÔNG:**

Đi đôi với việc xoá nạn mù chữ, tỉnh đã trú trọng đến việc giáo dục phổ thông. Sau ngày 19/8/1945 Đảng và Chính Phủ chủ trương tiến hành cải cách giáo dục lần thứ nhất, nhằm xoá bỏ nền giáo dục thực dân, xây dựng nền giáo dục dân chủ nhân dân. Nhưng do có chiến tranh chống Pháp, cuộc cách mạng được tiến hành từng khâu một và đến năm 1951 trở đi mới được tiến hành đồng bộ.

### **1. Cải tiến tổ chức quản lý.**

Ở tỉnh thành lập Ty Tiểu học vụ. Năm 1945 - 1946, tỉnh chỉ định ông Đặng Đức Thái, hiệu trưởng trường kiêm bị thị xã Thái Nguyên làm thanh tra giáo dục. Sau khi trúng cử đại biểu Quốc hội khoá 1 năm 1946, ông sang nhận công tác khác, tỉnh cử ông Đỗ Ngọc thay. Đến năm 1948 - 1950, ông Nguyễn Minh Tung được cử làm trưởng ty Tiểu học vụ Thái Nguyên.

Ở các xã trong huyện Phổ Yên, theo chủ trương của tỉnh, đầu năm 1946 tất cả các giáo viên dạy học

trước ngày 09/3/1945 đều trở lại dạy học dưới chế độ mới. Có người đã trở lại, trong đó hầu hết là người ngoài tỉnh. Có người đã nhận công tác cách mạng khác, hầu hết là người địa phương. Do đó, số lớp đầu năm 1946 chưa nhiều, mỗi xã cử một giáo viên làm đại biểu, gọi là trưởng giáo. Năm học đầu tiên 1946 - 1947, ở các xã đã cử thêm một số thành viên đa dạng chưa qua đào tạo nghiệp vụ. Mùa hè năm 1947, Ty Tiểu học vụ tổ chức trại hè Bắc Sơn (Đại Từ) bồi dưỡng nghiệp vụ cấp tốc cho số giáo viên cũ và đào tạo thêm giáo viên mới. Hầu hết các giáo viên này chỉ có bằng sơ học yếu lược.

Năm học 1947 - 1948, ở các xã chính thức lập trường tiểu học và có 1 hiệu trưởng phụ trách chung.

Năm học 1949 - 1950 số lớp tăng lên do Ty mở thêm trại hè "Ái Quốc" năm 1949 ở xã Úc Kỳ huyện Phú Bình.

Đến năm học 1949 - 1950, Phổ Yên có 7 xã (từ 10 xã ghép lại còn 7 xã) đã có 6 trường tiểu học. Riêng xã Phúc Thuận mới có một vài ba giáo viên ở rải rác các thôn trong xã chưa lập trường học. Ở cấp huyện, chưa có một tổ chức giáo dục nào. Mỗi huyện chỉ cử một đại biểu giáo dục hàng tháng lên tỉnh lĩnh lương về cho giáo viên toàn huyện. Chế độ đại biểu giáo dục này tồn tại cho đến năm 1958. Đại biểu Giáo dục Phổ Yên là thầy Nguyễn Mạnh Khánh.



## 2. Tổ chức giảng dạy và học tập.

+ *Tiểu học*: Từ đầu năm 1946 cho đến hết năm học 1946 - 1947 các giáo viên mỗi người phải dạy kiêm 2 lớp mà chưa có đầy đủ đồ vật chất. Những giáo viên người địa phương dựa vào gia đình còn đỡ khó khăn, giáo viên ngoài huyện phải tự kiếm sống. Nhiều người được địa phương cho ruộng sản xuất tự túc. Có giáo viên phải dựa vào sự đóng góp của học sinh.

Tuy vậy, ai nấy đều nỗ lực giảng dạy và còn làm thêm công tác xã hội khác như: dạy BDHV, làm tuyên truyền cổ động, vệ sinh chung xóm làng.

Năm 1947 có hai thầy giáo đã được kết nạp vào Đảng cộng sản và đã tham gia hội văn hoá Mác - Xít của Lê nin, đồng thời vẫn đảm bảo công tác dạy học tốt. Đó là thầy Nguyễn Mạnh Khánh (xã Đồng Tiến), thầy Trần Quốc Thu (xã Tân Tiến).

Chương trình giảng dạy được cải tiến theo phương châm “Thiết thực, tinh chắc”, chủ yếu gồm các môn tiếng Việt, toán, lịch sử, địa lý. Trừ môn toán, các môn khác đều dạy lồng vào môn tập đọc. Tiếng Việt được học ở tất cả các ngành học, cấp học. Tài liệu giáo khoa, đồ dùng giảng dạy, học tập rất khiêm tốn. Khi chiến tranh chưa xảy ra, các trường được Bộ Giáo dục cung cấp “Bài dạy mẫu” in ti pô giấy tốt. Từ 1947 - 1954, các Ty lập ban tu thư tự soạn và in các bài dạy mẫu cho các trường bằng “in đất, in đá” song cũng thất thường.

Giáo viên tự soạn và tự sắm đồ dùng giảng dạy. Hầu hết là dạy chay, vẫn theo phương pháp “truyền khẩu” cũ. Có một việc làm tốt là: Đầu tuần các lớp đều tổ chức chào cờ, nói chuyện dưới cờ để giáo dục chính trị, tư tưởng cho học sinh. Giữa các giờ học có giải lao 1, 2 phút để dạy và hát các bài ca cách mạng.

Từ năm 1947 - 1948, giáo viên đã được cấp sinh hoạt phí hàng tháng là 15 kg gạo, 3 kg gạo tính theo nhu yếu phẩm (thịt, đường, xà phòng). Tất cả quy ra tiền. Giáo viên trợ giáo được xếp bậc A (tá sự bậc 3) khoảng 17 đồng. Giáo viên chính ngạch (có bằng sơ học Pháp - Việt trở lên) được xếp 5B, khoảng 25 đồng tiền tài chính. Ngoài ra, mỗi người được cấp hai năm một màn cá nhân, 5 năm một chăn bông bộ đội, mỗi năm 5m vải may quần áo. Với mức sinh hoạt phí trên, lúc đó bản thân giáo viên đã được cải thiện một bước, còn gia đình vẫn phải tự túc. Mỗi người vẫn phải dạy 2 lớp (kể cả hiệu trưởng), ngoài ra còn tham gia công tác xã hội.

Từ năm 1948, Pháp thất bại trong việc tấn công lên Việt Bắc thu đông 1947, chúng càn quét mở rộng vùng chiếm đóng ở đồng bằng Bắc Bộ.

Cơ quan, trường học, nhân dân, thầy giáo, học sinh vùng bị tạm chiếm chạy lên Thái Nguyên ngày một đông, dân số Phổ Yên tăng đột ngột gần gấp đôi (khoảng 4 vạn dân).

Trường cấp II, III Ngô Quyền của thị xã Phúc Yên sơ tán lên xã Vạn Phái (1948 - 1950) rồi lên xã Tân Cương, Đồng Hỷ.

Năm 1947, Phổ Yên đã nhận số giáo viên tiểu học từ thị xã Thái Nguyên sơ tán về hai xã Thắng Lợi và Tiến Bộ (Đồng Tiến). Đến năm 1948, đã có hơn 20 giáo viên mới từ vùng bị tạm chiếm tản cư lên. Nhân dân trong huyện nhường đất cho bạn xây trường, cho con em tản cư được ở trọ.

Theo chủ trương của tỉnh, huyện đã vận động số đông thầy giáo nghỉ việc về sản xuất nông nghiệp, nhường chỗ dạy học cho giáo viên tản cư để giúp anh em ổn định đời sống.

Tất cả các giáo viên Phổ Yên đều đã hưởng ứng chủ trương của tỉnh.

#### + *Trung học:*

Năm 1948, anh Nguyễn Như Quân, thẩm phán nhân dân huyện Phổ Yên, người xã Cù Vân, Đại Từ được phép của UB HC huyện Phổ Yên cho mở trường trung học tư thực, đặt tại thôn Hoàng Đàm xã Đồng Tiến. Anh Quân là người duy nhất của tỉnh Thái Nguyên, học ở Hà Nội, đã tốt nghiệp tú tài phân 1 khoa toán. Anh đã cùng một số thanh niên Phù Lôi có bằng tú tài sơ tán lên tham gia giảng dạy (Đào Văn Ngữ, Nguyễn Văn Kinh, Nguyễn Văn Ngạc). Trường có 6 lớp từ lớp 5 đến lớp 7 do anh Quân là hiệu trưởng.

Năm 1950, Pháp tấn công lên thị xã Thái Nguyên đã cho một cánh quân xuống đóng tại xóm Giếng, thôn Văn Dương Thượng xã Đồng Tiến. Một số cán



bộ và nhân dân hoang mang đã kéo cờ trắng hàng Pháp. Sau ngày Pháp rút, huyện có chủ trương trấn áp số người cầm đầu vụ này, cử Nguyễn Như Quân thẩm tra và xét xử. Anh Quân đã không thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, huyện Phổ Yên đã kỷ luật và sa thải Nguyễn Như Quân. Sau khi Quân bị sa thải thì hai giáo viên Kinh, Ngạc cũng bỏ chạy về Hà Nội. Để cứu vãn trường khỏi tan vỡ, Ty giáo dục tỉnh đã có chủ trương "quốc lập hoá".

Năm 1951, trường được "Quốc lập hoá" do thầy giáo Nguyễn Ngọc Tuyết làm hiệu trưởng.

Trường Lê Hồng Phong là trường trung học thứ 2 của tỉnh (sau trường Lương Ngọc Quyến). Tiếp đó, các huyện Đại Từ, Phú Bình, Định Hoá, Phú Lương đều có trường trung học từ sau năm 1951.

Ngoài ra, ở thôn Đồng Triều (làng Xây) xã Trung Thành có ông Bùi Văn Nguyên, từ Hà Nội tản cư lên nhập khẩu vào xã, gia đình được cấp ruộng sản xuất tự túc. Ông mở lớp dạy tư các môn sơ học cao cấp, lý học theo chương trình trung học cho một số thanh niên trong vùng.

Sau đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 2 (2/1951) Bộ giáo dục được phép triệu tập hội nghị giáo dục toàn quốc ở Việt Bắc để chính thức triển khai đồng bộ cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất, nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp kháng chiến chống Pháp của dân tộc.

Cũng năm 1951, công đoàn giáo dục tỉnh được thành lập Thư ký đầu tiên là đồng chí Trần Đình Long,

phó ty giáo dục. Mỗi huyện có một phân đoàn giáo dục. Phân đoàn trưởng giáo dục huyện Phổ Yên là đồng chí Trần Quốc Thu. Mỗi trường, xã có một tổ công đoàn.

Ty giáo dục tỉnh vẫn quản lý trực tiếp các trường trong toàn tỉnh. Riêng bổ túc văn hoá, ty có biệt phái một cán bộ về giúp UBHC huyện về công tác này.

Về việc tổ chức cấp học, ngành học hệ phổ thông 9 năm, 3 cấp:

- Cấp 1: 04 năm (từ lớp 1 - lớp 4)

- Cấp 2: 03 năm (từ lớp 5 - lớp 7)

- Cấp 3: 02 năm (từ lớp 8 - lớp 9)

Mỗi cấp là một trường có một hiệu trưởng phụ trách.

Đến năm 1951, Phổ Yên mới có 6/7 xã có trường cấp I, một trường cấp II. Học sinh học hết cấp II vẫn phải lên học cấp III ở trường cấp II, III Ngô Quyền hoặc cấp II, III Lương Ngọc Quyến (Thành lập năm 1946. Thành lập lại tháng 9/1947 ở Cù Vân, Đại Từ. Tháng 10/1947 chuyển về Phú Bình. Năm 1953 lên Tân Cương. Năm 1954 về thị xã Thái Nguyên).

Về chính sách đối với giáo viên:

- Thực hiện một bước chính sách tiền lương mới. Tuy vậy, do khó khăn về kinh tế tài chính trong kháng chiến nên lương giáo viên nhiều năm lĩnh bằng thóc. Giáo viên toàn cấp 45kg thóc/ 1 tháng.



- Do thiếu giáo viên nên giáo viên cấp I mỗi người vẫn phải dạy 2 lớp, không kể công tác xã hội, chưa có phụ cấp dạy thêm lớp.

Do ở huyện chưa có cấp quản lý giáo viên, Ty Giáo dục và Công đoàn tỉnh thống nhất giao việc chỉ đạo thi đua ở các trường trong huyện cho phân đoàn trường phân đoàn Giáo dục huyện. Vì vậy phân đoàn trường Giáo dục huyện đã đảm nhiệm cả vai trò chỉ đạo thi đua của chuyên môn.

Năm 1951 Pháp cho máy bay bắn phá hậu phương rất ác liệt. Các trường phải sơ tán, đặt lớp tại nhà dân và chuyển sang học ban đêm. Các lớp cấp I học 02 ca. Vất vả nhất là lớp ca 2. Những đêm tối trời, mưa dầm gió bắc thật là vất vả. Nhưng bất chấp khó khăn, gian khổ, thầy trò vẫn thi đua “2 tốt”, tiếng hát vẫn át tiếng bom đạn của địch. Trong cuộc thi đua này, lần đầu tiên Phổ Yên chọn được 01 chiến sỹ thi đua. Đó là Thầy Bùi Quang Nhuong, giáo viên cấp I tản cư dạy học tại thôn Sơn Cốt xã Đồng Tiến.

Năm 1952, huyện mở thêm một trường cấp II cho các xã ven sông Cầu đặt tại thôn Vân Trai xã Tân Tiến. Thầy giáo Đàm Ký được cử làm hiệu trưởng. Lớp học đặt tại ghè Vân Trai và một số gia đình có nhà rộng. Phổ Yên là huyện duy nhất của Tỉnh có 02 trường cấp II quốc lập đến thời điểm 1952.

Năm học 1953 và 1954 tỉnh có khó khăn về học phí nên đã chủ trương vận động nhân dân các xã nộp “ học

phí” cho học sinh cấp I. Trong những năm 1953 - 1955 khi Thái Nguyên chuẩn bị thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất, tỉnh đã luân phiên chỉnh huấn chính trị cho giáo viên, chọn cử một số cán bộ, giáo viên đi tham gia cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất. Ở địa phương, qua cuộc vận động một số gia đình giáo viên đã bị quy lên thành phần địa chủ, có người đã phải buộc thôi việc. Năm 1957, sau sửa sai, một số giáo viên được trở lại dạy học. Một số được chuyển sang địa chủ kháng chiến.

Tổng kết lại 9 năm kháng chiến chống Pháp Phổ Yên tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng sự nghiệp giáo dục đã phát triển khá. Nếu trước 1945 cả tỉnh chỉ có 5 trường tiểu học toàn cấp, cả miền Bắc chỉ có 5 trường Thành Chung, đến 1952 riêng Phổ Yên đã có 6 trường tiểu học toàn cấp, 2 trường cấp II, quả là một kỳ tích. Đó là thành quả cách mạng tháng 8 dưới sự lãnh đạo của Đảng đã mang lại. Đồng thời cũng phản ánh truyền thống hiếu học của nhân dân Phổ Yên. Qua 9 năm kháng chiến chống Pháp, đội ngũ giáo viên của huyện đã tận tụy, hy sinh, hoàn thành nhiệm vụ trước muôn vàn khó khăn. Đa số là người vùng tạm bị chiếm, nên chỉ có 4 người là dân địa phương đã được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Việt Nam ( Tân Tiến 3, Đồng Tiến 1).

**CHƯƠNG IV**  
**SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CỦA HUYỆN**  
**TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA**  
**XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ CHỐNG MỸ**  
**CỨU NƯỚC (1955 - 1975)**

**A. THỜI KỲ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC**

Sau ngày 21/07/1954, sau khi ký kết hiệp nghị đình chỉ chiến sự ở Đông Dương ở Giơ-Ne-Vơ giữa ta và Pháp, hoà bình được lập lại trên miền Bắc. Miền Bắc bắt tay vào thực hiện liên tiếp hai kế hoạch Nhà nước: Khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá (1955- 1957), cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế - Văn hoá (1958-1960).

Trong thời gian 6 năm này do ảnh hưởng của cải cách ruộng đất tình hình tổ chức bộ máy quản lý giáo



dục của tỉnh có nhiều thay đổi khiến ảnh hưởng không nhỏ đến sự nghiệp giáo dục của tỉnh (có thời không có trường ty giáo dục, phó ty giáo dục thay đổi nhiều lần).

**a/ Ở tỉnh:**

Năm 1953, trưởng ty Dương Xuân Nghiêm được điều về Bộ giữ chức chánh thư ký Công đoàn Giáo dục Việt Nam. Đồng chí Nguyễn Doãn Thuyết, hiệu trưởng trường Hàn Thuyên của Bắc Ninh được đề bạt giữ chức trưởng ty thay đồng chí Nghiêm. Đồng chí phó ty Trần Đình Long được điều đi công tác khác, một số giáo viên trường Ngô Quyền là Nguyễn Đình Phúc được chỉ định làm thư ký Công đoàn Giáo dục tỉnh thay đồng chí Long.

Ty Giáo dục rút đồng chí Trần Quốc Thu về phụ trách Hành chính - Tổ chức của Ty. Đồng chí Thuyết trưởng ty kiêm bí thư chi bộ được điều đi tham gia cải cách ruộng đất đợt 2, tỉnh đã uỷ quyền trưởng ty cho đồng chí Trần Quốc Thu. Sau đó đồng chí Thuyết lại không đi cải cách ruộng đất vì gia đình là địa chủ nên trở lại cơ quan, đồng chí Trần Quốc Thu được điều đi cải cách ruộng đất. Năm 1955, Bộ điều đồng chí Đinh Văn Nhiều, phó ty Giáo dục Yên Bái về làm phó Ty Giáo dục Thái Nguyên. Vì bệnh tật chẳng bao lâu đồng chí Nhiều đã mất. Năm 1956, Trung ương lập khu tự trị Việt Bắc đã rút của Thái Nguyên một số cán bộ chủ chốt. Đồng chí Thuyết trưởng ty được điều lên

làm phó giám đốc Sở Giáo dục khu. Tỉnh đã cử đồng chí Đặng Đức Thái nguyên là Thanh tra tiểu học năm 1946 về làm trưởng ty. Đồng chí Nguyễn Đình Phúc được điều lên làm chánh thư ký Công đoàn Giáo dục Việt Bắc, đồng chí Đặng Náo một cán bộ miền Nam được cử làm thư ký Công đoàn giáo dục tỉnh thay đồng chí Phúc .

Năm 1958, tỉnh ra quyết định đề bạt đồng chí Chu Khánh Tam người Định Hoá làm phó Ty, chẳng bao lâu đồng chí Tam lại bị cách chức vì phạm kỷ luật. Tỉnh đề bạt đồng chí Ma Quang Thuộc là giáo viên cấp I làm phó Ty. Đến năm 1959 Bộ và Tỉnh thống nhất đề bạt đồng chí Nguyễn Ngọc Nhưường trưởng phòng phổ thông của Ty lên làm trưởng Ty. Từ đây bộ máy quản lý chuyên môn của Ty Giáo dục mới được ổn định.

#### **b) Ở huyện Phổ Yên:**

1. Sau khi đồng chí Trần Quốc Thu rút về tỉnh, đồng chí Bùi Quang Nhưường, phân đoàn phó lên thay. Khi hoà bình lập lại, các giáo viên tản cư hầu hết hồi cư khiến cho Phổ Yên hẫng hụt về giáo viên. Đã thế, sau cuộc vận động giảm tô cuối năm 1953, từ đầu năm 1954 từ 7 xã cũ đã tăng lên 16 xã mới. Do đó từ 6 trường cấp I cũ tăng lên 16 trường cấp I mới. Chưa có sự chuẩn bị nên nhiều trường đã phải cử giáo viên bán cấp I, hầu hết chưa phải là đảng viên làm quyền hiệu trưởng.

Đồng chí Bùi Quang Nhung hồi cư, phân đoàn trưởng giáo dục Phổ Yên được giao cho thầy giáo Nguyễn Bá Kính. Đồng chí Nguyễn Mạnh Khánh thôi không làm đại biểu giáo dục huyện giao lại cho hiệu trưởng cấp I xã Tiên Phong Nguyễn Bá Kính .

Đồng chí Trần Văn Nhung được chỉ định làm tổ Đảng của ban cán sự Đảng Phòng Giáo dục, giúp ban quản lý sự nghiệp giáo dục của huyện.

Đến tháng 8/1959, UBND Tỉnh ra quyết định thành lập Ban Giáo dục huyện và xã, phân cấp cho UBND huyện quản lý toàn bộ sự nghiệp giáo dục của huyện.

2. Trường cấp II Lê Hồng Phong từ Hoàng Đàm về đồi thông Ba Hàng, là thủ phủ của Phổ Yên đầu thế kỷ 20, trụ sở của đoàn uỷ viên cải cách ruộng đất đợt 2 ở Thái Nguyên (địa điểm trường cấp III Phổ Yên hiện nay)

Năm 1956, đồng chí Nguyễn Ngọc Tuyết hiệu trưởng được rút lên Sở Giáo dục Việt Bắc. Ty cử thầy giáo Nguyễn Hữu Kim quyền hiệu trưởng. Năm 1956 - 1957, tỉnh lại bổ nhiệm thầy Vũ Văn Đỗ hiệu trưởng trường cấp II Đức Liên Phú Bình đi cải cách ruộng đất đợt 2 về làm hiệu trưởng thay thầy Kim nghỉ hưu .

Năm 1958, đồng chí Tống Sơn Lâm được cử làm hiệu trưởng thay đồng chí Đỗ chuyển về Hà Nội. Từ năm học 1958 - 1959, trường mới ổn định về lãnh đạo chuyên môn.



Giáo viên đã thiếu, một số lại đi cải cách ruộng đất, số còn lại ở nhà có người phải dạy tới 3 lớp trong ngày (cấp I) hoặc quá giờ tối đa (đối với cấp II) .

Sau khi Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960), Đảng và Nhà nước tiến hành cải cách giáo dục lần thứ hai nhằm xây dựng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Cuộc cải cách giáo dục lần này thật sâu sắc và toàn diện. Tổng kết kinh nghiệm cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất, lần này đã nêu rõ nguyên lý giáo dục là: “giáo dục phục vụ nhiệm vụ chính trị, giáo dục phục vụ sản xuất” Ba phương châm giáo dục được đề ra: “giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, giáo dục lý luận đi đôi với thực hành, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội” .

Mục đích và mục tiêu giáo dục là đào tạo “Người công dân tốt, lao động tốt, chiến sỹ tốt, cán bộ tốt”. Chương trình học tập toàn diện ngoài các môn đức dục, trí dục, mỹ dục, thể dục đã bổ sung các môn kỹ thuật, lao động, quân sự . Toàn hệ phổ thông 3 cấp từ 9 năm lên 10 năm . Mỗi trường lập một hội đồng nhà trường do một hiệu trưởng đứng đầu, trường lớn có thêm 1, 2 hiệu phó. Ở các trường cấp II và III hình thành một ban lãnh đạo gồm bí thư chi bộ, hiệu trưởng, thư ký công đoàn, bí thư đoàn thanh niên nhà trường.

Năm học 1959- 1960 bố trí lại như cũ, khai giảng vào tháng 9 dương lịch, tổng kết năm vào cuối tháng 5

dương lịch năm sau. Năm học chia làm hai học kỳ, đến vụ gặt vẫn có nghỉ vụ 1 tuần để học sinh tham gia sản xuất, khôi phục lại chế độ nghỉ hè.

Sách giáo khoa, đồ dùng giảng dạy và học tập đầy đủ hơn trước do ngành tự sản xuất và cung cấp cho các trường. Đặc biệt, Bộ Giáo dục được tổ chức cơ quan phát hành sách giáo khoa từ nhà xuất bản của Bộ cho đến tận huyện, các trường.

Từ 1958, Nhà nước ban hành chính sách tiền lương mới, lương giáo viên các cấp và cán bộ quản lý giáo dục được tách khỏi thang lương hành chính. Nhà nước qui định giờ dạy trên lớp của giáo viên cấp I là 1 lớp học, giáo viên cấp II mỗi tuần là 18 giờ, cấp III mỗi tuần 16 giờ. Nếu dạy quá số lớp (cấp I), số giờ, giáo viên được phụ cấp dạy thêm giờ. Hiệu trưởng không phải trực tiếp giảng dạy, giành thời giờ làm công tác quản lý. Giáo viên nữ được nghỉ 2 tháng trước và sau khi đẻ giữ nguyên lương. Mỗi trường được cấp thêm 02 giáo viên để dạy bù khi có giáo viên nữ nghỉ đẻ. Nhà trường được miễn làm công tác xã hội khác để tập trung vào việc dạy học bổ túc văn hoá và phổ thông theo phương châm 1 hội đồng 2 nhiệm vụ. Đến thời điểm này chế độ đãi ngộ đối với ngành giáo dục, nhất là đối với giáo viên chu đáo hơn, tạo điều kiện cho giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ cao cả của mình.



Từ phong trào thi đua “Hai tốt”, rút kinh nghiệm trường chỉ đạo của Bộ ở trường cấp II Bắc Lý, Lý Nhân, Hà Nam, Bộ đã phát động trong toàn ngành thi đua học tập và đua kịp trường Bắc Lý với nội dung thi đua xây dựng nhà trường tiên tiến 4 điều kiện, trong đó điều kiện quan trọng nhất là xây dựng một tập thể giáo viên đoàn kết, nhất trí hiệu trưởng là con chim đầu đàn.

Ở Phổ Yên bước vào giai đoạn cách mạng mới, ngành giáo dục có những khó khăn thuận lợi như sau:

### **Thuận lợi:**

1. Thái Nguyên là thủ phủ của khu tự trị Việt Bắc, là thủ đô Gang Thép đầu tiên của cả nước. Do đó, ngoài các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, Nhà nước đã mở hàng loạt các trường đại học, cao đẳng, trung học và dạy nghề. Ngay trên địa bàn huyện Phổ Yên đã có trường đại học Mở địa chất, 2 trường trung cấp kinh tế và xây dựng cơ bản, trường công nhân kỹ thuật Việt - Đức và trường công nhân xây dựng cơ bản.

Những cơ sở giáo dục này vừa có tác dụng kích thích sự nghiệp giáo dục của huyện, vừa giải quyết đầu ra cho học sinh Phổ Yên khi học hết cấp II, III.

2. Nông thôn đã hoàn thành cơ bản hợp tác hoá nông nghiệp, tạo cơ sở xã hội thuận lợi cho việc phát triển sự nghiệp giáo dục với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

3. Ngành giáo dục huyện đã trưởng thành một bước đáng kể, nhân dân và học sinh vốn có truyền thống hiếu học. Đến nay, đường lối, phương châm, phương pháp nội dung tiến hành cải cách giáo dục được cụ thể và đồng bộ hơn trước.

4. Đảng và Nhà nước đã thực sự chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục. Đảng đã lập Ban khoa giáo các cấp, tham mưu cho công tác phát triển sự nghiệp giáo dục, khoa học và công nghệ. Nhà nước đã đầu tư cho giáo dục bằng vốn ngân sách và vốn huy động của nhân dân. Tỉnh uỷ quan tâm phát triển Đảng trong ngành giáo dục.

### **Khó khăn:**

1. Khó khăn lớn nhất và trước mắt là nội lực của ngành so với sự lớn mạnh về mọi mặt của tỉnh, của Nhà nước, nhất là của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên các cấp quá thiếu, số hiện có còn quá yếu so với yêu cầu của cải cách giáo dục.

2. Cơ sở vật chất và kỹ thuật của ngành hầu như chưa có gì, toàn bộ trường lớp còn là tranh tre, nứa lá. Hầu hết các cấp đều học hai, ba ca. Đồ dùng giảng dạy thiếu thốn, đời sống nhân dân và học sinh còn khó khăn nhất là phát triển sự nghiệp giáo dục trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước gay go, gian khổ, ác liệt.

Trước sự phát triển nhanh chóng của sự nghiệp giáo dục, tháng 8/1959, tỉnh thành lập Ban giáo dục huyện và xã trực thuộc Uỷ ban hành chính huyện, xã.

Ban Giáo dục huyện do đồng chí Trịnh Văn Ngâu, uỷ viên Uỷ ban hành chính huyện làm trưởng ban, đồng chí Trần Quốc Thu làm phó ban, uỷ viên Ban có ông Nguyễn Như Trang, ông Nông Văn Tích.

Năm 1961 Ban giáo dục huyện chuyển thành Phòng giáo dục. Ban Giáo dục các xã do 1 uỷ viên UBND xã làm trưởng ban, hầu hết là cán bộ nữ, phó ban là hiệu trưởng trường phổ thông cấp I, uỷ viên có 2 cán bộ xã : 1 là cán bộ BDHV, 1 là tổ trưởng giáo viên vỡ lòng. Sau đó ban giáo dục xã giải thể.

Ngay sau ngày thành lập, để thực hiện những nhiệm vụ giáo dục cấp trên đề ra, ban giáo dục huyện đã tham mưu cho huyện uỷ, UBHC huyện tiến hành đồng thời 3 nhiệm vụ trọng tâm kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965) và phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn huyện:

- Khẩn trương xây dựng hệ thống chính trị trong ngành, trong đó then chốt là xây dựng chi bộ đảng.
- Toàn ngành thanh toán nạn mù chữ lần thứ hai và phát triển bổ túc văn hoá.
- Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục vỡ lòng và phổ thông các cấp.

## I. XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG NGÀNH

### a. Xây dựng Đảng:

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, huyện đã có ngót 100 giáo viên các cấp, song chỉ có 6 đảng viên, 4



là người địa phương: Trần Quốc Thu, Trần Văn Huyền, Nguyễn Văn Luật, Nguyễn Quang Lại; 2 là người ngoài tỉnh: Nguyễn Mạnh Khánh, Nguyễn Quang Luân. Tất cả đều sinh hoạt ở chi bộ xã: (Hoàng Đàm (2), Tiên Tiến (3), Hồng Tiến (1)). Từ 1955 - 1959, huyện kết nạp thêm đồng chí Tống Sơn Lâm. Ở xã rải rác đã có giáo viên được kết nạp Đảng, sinh hoạt trong chi bộ xã.

Năm 1960, huyện uỷ cho thành lập chi bộ Giáo dục huyện trực thuộc huyện uỷ, gồm các đồng chí Trần Quốc Thu làm bí thư và các đồng chí Nguyễn Văn Luật, Tống Sơn Lâm. Chi bộ Giáo dục huyện vẫn đẩy mạnh việc phát Đảng trong các trường cấp II trực thuộc quản lý. Hết năm 1965, chi bộ Giáo dục huyện đã kết nạp ở Ban được các đồng chí Nguyễn Dung, Hương Minh, Nguyễn Tiến, Đồng Văn Liệu, Nguyễn Phong, Nguyễn Thị Khương. Ở trường cấp II, III Lê Hồng Phong kết nạp được đồng chí Nguyễn Văn Hồi (hiệu phó), Nguyễn Hoàng, Vũ Hưng.

Ở trường cấp II BTVH kết nạp được đồng chí Đàm Ký. Ở các trường cấp II phổ thông: Nguyễn Đăng Phong, Nguyễn Văn An, Đào Văn Tích, Nguyễn Bá Hành, Nguyễn Thị Bích Đào. Trong khi đó, số giáo viên cấp 1 ở xã được kết nạp Đảng cũng tăng dần.

Từ sau năm 1965, sự nghiệp giáo dục của huyện đã phát triển mạnh. Theo đề nghị của chi bộ giáo dục huyện, huyện uỷ, UBND huyện đã phân cấp cho xã quản lý tổ chức và hành chính đổi mới giáo viên cấp II, thành lập chi bộ giáo dục ở tất cả các xã. Đối với các xã có đủ 3 đồng chí chính thức, huyện uỷ ra quyết định thành lập chi bộ giáo dục xã gồm đảng viên là giáo viên cấp I và cấp II. Đối với xã còn thiếu, chi bộ giáo dục huyện thông qua phòng giáo dục điều đảng viên của chi bộ phòng xuống xã để lập chi bộ. Bằng cách này hết năm học 1965 - 1966, tất cả 16 xã đều có 16 chi bộ giáo dục. Chi bộ giáo dục huyện chỉ còn lại số đảng viên ở phòng giáo dục, trường cấp II bổ túc văn hoá huyện và trường cấp II, III Lê Hồng Phong.

Năm học 1966 - 1967, huyện uỷ đã cho trường cấp II, III Lê Hồng Phong lập chi bộ độc lập, tách khỏi chi bộ giáo dục huyện.

Việc xây dựng và phát triển Đảng trong ngành giáo dục huyện nhanh, mạnh đã là nhân tố quyết định việc hoàn thành nhiệm vụ giáo dục của huyện trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

#### **b) Thành lập công đoàn giáo dục huyện.**

- Trong kháng chiến chống Pháp, từ 1951 toàn tỉnh chỉ có 01 công đoàn Giáo dục. Mỗi huyện có 01 phân đoàn giáo dục, mỗi trường có 01 tổ Công đoàn.

- Năm 1960, Phổ Yên được lập Công đoàn Giáo dục huyện. Đồng chí Trần Quốc Thu, uỷ viên ban chấp hành Công đoàn tỉnh trực tiếp làm thư ký Công đoàn Giáo dục huyện.

Trường cấp II - III Lê Hồng Phong được thành lập Công Đoàn bộ phận (năm 1960 - 1961). Trường cấp II Thống Nhất (Gò Gai) lập Công đoàn bộ phận (năm 1964 - 1965). Các trường trên địa bàn xã có tổ Công đoàn gồm giáo viên cấp I, II. Công đoàn được giao hai nhiệm vụ chính: Cùng với chuyên môn đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt”, “Xây dựng nhà trường tiên tiến”; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đoàn viên.

### **c) Công tác Đoàn - Đội**

- Năm học 1960 - 1965, công tác Đội thiếu niên và Nhi đồng ở xã đã đưa vào trường học, do 01 giáo viên kiêm tổng phụ trách .

- Năm học 1969 - 1970, Huyện uỷ đã đưa đồng chí Hà Văn Phú là giáo viên sang làm bí thư Đoàn Thanh niên trường cấp II, III Lê Hồng Phong. Đồng thời đồng chí Phú là phó bí thư Huyện đoàn Phổ Yên.

- Uỷ ban thiếu niên - nhi đồng huyện hoạt động đều và mạnh, năm học nào cũng tổ chức liên hoan “Cháu ngoan Bác Hồ ” từ trường lên huyện .



## II. THANH TOÁN NẠN MÙ CHỮ LẦN THỨ HAI (1959 - 1965).

Công tác xoá nạn mù chữ lần thứ hai và công tác bổ túc văn hoá được Bộ Giáo dục xác định là công tác hàng đầu của ngành. Hội đồng giáo viên các cấp được xác định “ Một hội đồng, hai nhiệm vụ”, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là giảng dạy bổ túc văn hoá . Mục tiêu của đợt thanh toán mù chữ lần này là xoá nạn mù, mờ chữ cho lứa tuổi từ 14, nam đến 45, nữ đến 35 tuổi .

Thuận lợi nhất của đợt thanh toán này là nông thôn đã có hợp tác xã nông nghiệp đứng ra tổ chức lớp học, chọn cử và đào tạo giáo viên, sắp xếp cho xã viên đi học .

Khó khăn nhất là học viên phần lớn đã cao tuổi là sức lao động chính trong gia đình . Hợp tác xã mới thành lập còn chưa vững chắc. Ban bình dân học vụ các xã có ít người làm việc không lương, hầu hết cũng đã cao tuổi. Ban giáo dục xã mới lập trưởng ban là uỷ viên nữ gọi là uỷ viên thứ 7. Do vậy, lực lượng tham gia ở cơ sở còn mỏng, chủ yếu dựa vào giáo viên vỡ lòng, phổ thông cấp I .

Tuy vậy, với sự cố gắng chung năm 1965 Phổ Yên được tỉnh kiểm tra, công nhận hoàn thành nhiệm vụ đã đề ra . Phòng Giáo dục được tỉnh tặng cờ thi đua và bằng khen của Thủ tướng, đồng chí trưởng phòng Trần Quốc Thu được công nhận chiến sĩ thi đua của ngành,

được Bộ Giáo dục và UBND tỉnh Bắc Thái cấp bằng khen . Sau đó, Phổ Yên được lệnh cử giáo viên lên thanh toán nạn mù chữ ở huyện Chợ Rã (Nay là huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn) và đã được tỉnh cấp bằng khen . Sau khi xoá nạn mù chữ, huyện chăm lo phát triển bổ túc văn hoá cho mọi đối tượng . Trường cấp I các xã mở lớp bổ túc văn hoá lớp 1-2 cho xã viên và cán bộ hợp tác xã để củng cố thành quả xoá nạn mù chữ . Phòng Giáo dục mở 5 lớp bổ túc văn hoá miền (từ 2 đến 3 xã hợp thành trường miền) học hết cấp I cho cán bộ xã và chủ chốt hợp tác xã. Phòng mở trường văn hoá tập trung huyện dạy hết cấp 2 cho cán bộ chủ chốt các xã, bổ túc văn hoá cho các giáo viên vỡ lòng và giáo viên bán cấp I. Trường cấp III Lê Hồng Phong mở lớp cấp III ban đêm cho cán bộ cơ quan xung quanh huyện.

Công việc đang tiến hành thuận lợi thì chiến tranh phá hoại của Mỹ đánh phá vào huyện. Cơ quan, trường học phải sơ tán. Các trường BTVH các loại tạm đình giảng, chỉ còn trường văn hoá tập trung huyện hoạt động .

### III. PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VỠ LÒNG, PHỔ THÔNG.

**a. Sự nghiệp giáo dục tiền tiểu học (Sau gọi là giáo dục mầm non).**

- Từ 1954 - 1959: Rải rác các xã trong huyện đã có nhiều lớp vỡ lòng dân lập (Tư thực).

- Từ 1960 đến 1975, nông thôn đã có HTX nông nghiệp và đã có hai hình thức trường lớp:

- Các nhà trẻ do hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, xã phối hợp với Ban quản lý HTX tổ chức. Các lớp này do HTX tổ chức, quản lý, đài thọ giáo viên. Giáo viên phần lớn là phụ nữ đã luống tuổi. Do đó, lớp học dừng ở mức “Nhà giữ trẻ”, có 1 số nhà trẻ được huyện trang bị thêm đồ dùng phục vụ nuôi dạy trẻ.

- HTX tổ chức lớp học vỡ lòng, chọn cử và đài thọ giáo viên. Trường cấp I giúp đỡ chuyên môn, nghiệp vụ.

Phong trào giáo dục vỡ lòng của huyện phát triển khá mạnh. Bình quân hàng năm có 120 lớp, 120 giáo viên và trên 3.000 học sinh. Năm học 1961- 1962 có 125 lớp và 3735 học sinh. Năm học 1963 - 1964 ít nhất có 103 lớp và 2828 học sinh.

- Chất lượng giáo dục vỡ lòng không đồng đều, những lớp có giáo viên ổn định, dạy lâu năm, học sinh được vào lớp 1 phổ thông khoảng 70-80%. Nhiều lớp giáo viên thay đổi luôn, có lớp một năm học thay đến 3 giáo viên thì chất lượng yếu, học sinh có em phải học 2 năm mới lên được lớp một.

- Ở các thôn bản dân tộc, giáo viên phổ thông vẫn dạy ghép với lớp một phổ thông.



- Ở các cơ quan, xí nghiệp của nhà nước, Liên hiệp Công đoàn huyện chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý các nhà trẻ dân lập này .

Năm học 1960 - 1961, Phòng Giáo dục huyện tổ chức thí điểm 1 lớp mẫu giáo ở phố Ba Hàng xã Đồng Tiến. Năm học 1965 - 1966 phố Ba Hàng phải sơ tán chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, lớp học tan vỡ.

## **b. Sự nghiệp giáo dục Phổ thông:**

### **1. Cấp I :**

Số nhân khẩu phi nông nghiệp tăng lên nhanh đặt ra yêu cầu phát triển nhanh giáo dục phổ thông nói chung, cấp một nói riêng. Trong khi đó, phổ yên lại thiếu giáo viên nghiêm trọng. Để giải quyết khó khăn đó, Tỉnh đã chủ trương cho ngành giáo dục được tuyển giáo viên dân lập cấp I và cấp II và cho thu lại học phí ở các cấp học này do ngành giáo dục tự quản .

Ở Phổ Yên từ năm học 1959 - 1960 đã tuyển 10 giáo viên dân lập cấp I, đến năm học 1964 - 1965 đã tăng lên 112 người . Năm học 1960 - 1961 đã tuyển 10 giáo viên dân lập cấp II, đến năm học 1964 - 1965 đã tăng lên 12 người .

Giáo viên dân lập cấp I hầu hết đã dạy qua các lớp vỡ lòng, xoá nạn mù chữ, bố túc văn hoá, có một số giáo viên đã dạy học hồi kháng chiến chống Pháp đã

tự nguyện về sản xuất nhường chỗ cho giáo viên tản cư. Hầu hết số giáo viên này là giáo viên bán cấp I.

Giáo viên dân lập cấp II có số đã qua đào tạo sư phạm, số ít tuyển thẳng từ học sinh lớp 10 không thi đỗ vào đại học.

Từ năm học 1965- 1966, tỉnh “Quốc lập hoá” toàn bộ giáo viên dân lập

- Sau cuộc vận động giảm tô cuối 1953, đầu năm 1954 từ 7 xã cũ chia thành 16 xã mới, từ 6/7 trường cấp I tăng lên 16 trường cấp I.

Từ 1955 - 1959, mỗi giáo viên vẫn phải dạy 2 lớp. Từ năm học 1959 - 1960, giáo viên dạy thêm lớp được phụ cấp dạy thêm giờ bằng 40% tiền lương cơ bản của giáo viên bán cấp, khoảng 12đ. Sau khi được tuyển giáo viên dân lập, dần dần giáo viên cấp I chỉ dạy 1 lớp. Hiệu trưởng được thoát ly giảng dạy, chuyên làm công tác quản lý.

Năm học 1959 - 1960: Có 64 lớp và 3670 học sinh trong đó có 13 lớp 4 và 316 học sinh và 57 giáo viên, có 10 giáo viên dân lập.

Đến năm học 1965 - 1968 có 191 lớp, 7036 học sinh trong đó có 38 lớp 4 và 1332 học sinh tăng gấp 3 lần số lớp, gấp 2 lần số học sinh và gấp 3,5 lần giáo viên : 217, có 112 dân lập. Ở năm học này Phổ Yên đã hoàn thành phổ cập cấp I.

Năm 1969, hợp nhất xã Đại Xuân và xã Tiên Phong thành xã Tiên Phong. Huyện chỉ hợp nhất trường cấp II, cấp I vẫn để nguyên mỗi xã 1 trường .

Năm 1973, huyện được lập thêm 4 thị trấn, song con em thị trấn ở xã nào vẫn học tại các trường ở xã đó. Toàn bộ cơ sở trường lớp cấp I đều do các HTX nông nghiệp xây dựng . Nhà gạch cấp 4, ở từng HTX một.

## **2. Cấp II :**

Từ năm học 1955, trường cấp II Lê Hồng Phong từ nơi sơ tán về ổn định địa điểm tại rừng thông Ba Hàng xã Đồng Tiến. Năm 1956, trường được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cho kinh phí xây 2 lớp học kiên cố. Còn lại toàn bộ cơ sở vật chất nhà trường đều do thầy trò xây dựng.

Năm 1962 - 1963, phòng Giáo dục tham mưu cho UBHC Huyện xây dựng trường cấp II dân lập Nguyễn Văn Tố cho các xã phía nam huyện. Năm 1960, Công đoàn giáo dục tham quan tỉnh Hà Đông nơi có phong trào xây dựng trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa khá mạnh. Đồng chí Trần Quốc Thu được đi dự. Sau cuộc tham quan huyện đã mở một trường cấp II vừa học, vừa làm ở xã Minh Đức. Thầy Đinh Văn Y được cử làm hiệu trưởng. Nhân dân xã Minh Đức đã giúp một số ruộng, còn lại thầy trò vừa dạy, học vừa



dựng trường lớp, vừa khai phá thêm đất hoang để sản xuất tự túc. Trường tồn tại được 2 năm học 1960 - 1961 và 1961 - 1962 thì giải thể vì thiếu sự thống nhất giữa Ty và Huyện. Thời gian mở trường tuy ngắn, song lần đầu tiên thanh niên của các xã miền núi Phổ Yên đã được học lên cấp II rất sớm so với các xã quanh vùng. Sau khi giải thể trường vừa học vừa làm, huyện đã mở trường cấp II đặt ở Phúc Thuận cho 2 xã Phúc Thuận và Minh Đức.

Năm học 1963 - 1964, tỉnh đã cấp 2 héc ta đất ở góc Gai xã Tân Phú và kinh phí xây dựng 1 trường cấp II quốc lập cho 4 xã phía nam huyện. Sau khi xây dựng xong, phòng đã nhập cả hai trường cấp II Vân Trai cũ và trường cấp 2 dân lập Nguyễn Văn Tố vào trường này và đặt tên trường là trường cấp II Thống nhất do thầy Đỗ Anh Toàn làm hiệu trưởng (Sau đó là thầy Nguyễn Dung, Nguyễn Văn Trình).

Năm học 1962 - 1963, huyện lập thêm 2 trường cấp II cho 2 xã Thắng Lợi và Hồng Tiến, giảm bớt số lớp tập trung vào trường cấp II, III Lê Hồng Phong.

Tiếp đó, huyện mở trường cấp II Trịnh Văn Cấn cho 2 xã Hợp Thành và Thành Công, mở 2 trường cấp II cho 2 xã Đại Xuân và Tiên Phong, 1 trường cho xã Đắc Sơn.

Sau đợt lập các trường cấp II này, trường cấp II, III Lê Hồng Phong chỉ còn nhận học sinh của 3 xã Đồng Tiến, Nam Tiến, Tân Hương.

Năm học 1966 - 1967, huyện mở thêm 3 trường cấp II Đồng Tiến, Nam Tiến và Tân Hương, tách hoàn toàn các trường cấp II ra khỏi trường cấp II,III Lê Hồng Phong. Trường cấp III Phổ Yên được thành lập.

- Trường cấp II Tân Hương do thầy Nguyễn Quang Khiêm làm hiệu trưởng.

- Trường cấp II Nam Tiến do thầy Nguyễn Văn Ân làm hiệu trưởng.

- Trường cấp II Đồng Tiến do thầy giáo Đào Văn Tích làm hiệu trưởng.

Năm học 1966 - 1967, do Mỹ đánh phá ác liệt vào địa bàn huyện, trường cấp II Thống Nhất lại ở gần trọng điểm đánh phá của địch, Phòng đã cho sơ tán và lập 4 trường cho 4 xã Đông Cao, Tân Phú, Trung Thành, Thuận Thành. Trường sở giao lại cho xã Tân Phú.

Như vậy đến năm 1975, toàn huyện có 15 xã đã có trường cấp II.

Năm học 1958 - 1959 toàn huyện có 2 trường, có 362 học sinh.

Năm học 1960 - 1961 toàn huyện có 3 trường, có 16 lớp và 914 học sinh.

Năm học 1963 - 1964 toàn huyện có 10 trường, 47 lớp và 1603 học sinh.

Năm học 1966 - 1967 toàn huyện có 14 trường, 68 lớp và 2418 học sinh.

Đến năm 1975, toàn huyện có 15 xã đã có trường cấp II. Sự nghiệp giáo dục phổ thông cấp II của huyện phát triển nhanh. Nhà nước đào tạo giáo viên, cung cấp một phần tài liệu giảng dạy, đồ dùng học tập. Còn lại do thầy trò dựa vào nhân dân, phụ huynh học sinh, tự lao động tạo ra, quả là sự hy sinh rất lớn. Nhân dân còn có nhiều khó khăn về đời sống, song ai nấy đều gắng sức cho con em học hành, đã tạo nên thành tích kỳ diệu đó.

### **3. Cấp III.**

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, một số ít học sinh Phổ Yên học hết lớp 7 đã đi học cấp III ở trường Ngô Quyền (Sơ tán lên Tân Cương, huyện Đông Hỷ) và Lương Ngọc Quyến (Sơ tán về xã Úc Kỳ - Phú Bình). Nhiều em vì hoàn cảnh khó khăn kinh tế đã bỏ dở. Lần đầu tiên, Phổ Yên đã có 3 học sinh, học xong đại học đó là:

- Nguyễn Văn Hồi - Thôn Thông Học - Nam Tiến sau ra dạy học, hiệu phó trường cấp III Phổ Yên.



- Lương Văn Triết - Thôn trường thị xã Tân Hương  
- kỹ sư giám đốc nông trường Mộc Châu - Sơn La .

- Nguyễn Văn Đồng - Thôn Trường Thị xã Tân Hương, kỹ sư Ty Giao thông Thái Nguyên .

Hoà bình lập lại, Phổ Yên chưa có trường cấp III nên học sinh phải học trọ tại thị xã Thái Nguyên ở trường Lương Ngọc Quyến.

Trước sự lớn mạnh nhanh chóng của sự nghiệp giáo dục Phổ thông trong huyện, UBND huyện đã đề nghị tỉnh cho mở trường cấp III thứ hai của tỉnh ở Phổ Yên. Được sự đồng ý của tỉnh, huyện đã mở 2 lớp 8, 1 lớp 9 “nhô” ở trường cấp II Lê Hồng Phong từ đầu năm học 1961 - 1962. Lớp 8 chiêu sinh mới tại huyện. Để có lớp 9 huyện đã yêu cầu trường Lương Ngọc Quyến trả về tất cả học sinh con em Phổ Yên.

Năm học 1961 - 1962 có 2 lớp 8, 1 lớp 9

Năm học 1962 - 1963 có 2 lớp 8, 2 lớp 9, 1 lớp 10

Năm học 1963 - 1964 có 3 lớp 8, 2 lớp 9, 2 lớp 10

Năm học 1962 - 1963 có 4 lớp 8, 3 lớp 9, 2 lớp 10.

- Số giáo viên năm học 1961 - 1962 mới có 2 giáo viên toàn cấp (Thầy Nguyễn Văn Sản dạy văn, Nguyễn Triệu Căn - dạy toán ) còn lại là 4 giáo viên dạy kê .

Đến năm học 1965 - 1966 đã tăng lên 21 giáo viên đều là giáo viên toàn cấp.

Năm học 1966 - 1967, sau khi tách các trường cấp II về xã, trường chỉ còn hệ cấp III. Thời gian có chiến tranh phá hoại, trường chia làm hai phân trường, 1 lên xã Đắc Sơn, 1 về xã Tân Hương, vừa giảm sự đi lại cho việc lập hai trường cấp III của huyện. Sau khi kết thúc chiến tranh. Hiệu trưởng Tống Sơn Lâm lên phía bắc - Hiệu phó Nguyễn Văn Hồi về phía nam.

#### IV. CUỘC VẬN ĐỘNG THI ĐUA TIÊN TIẾN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

- Hưởng ứng cuộc vận động thi đua xây dựng nhà trường tiên tiến theo gương lá cờ đầu của ngành là trường cấp II Bắc Lý huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam, phòng Giáo dục và Công đoàn giáo dục huyện đã phát động phong trào học tập, đuổi kịp Bắc Lý trong toàn huyện. Huyện đã chọn trường cấp II,III Lê Hồng Phong, cấp II và cấp I xã Thắng Lợi là trường chỉ đạo điểm để nhân ra diện rộng. Để phát động, phát triển phong trào thi đua quan trọng này, phòng và chi bộ giáo dục phòng đã tham mưu cho huyện uỷ, UBND huyện thực hiện một số chủ trương và biện pháp tích cực sau đây:

##### **a. Đẩy mạnh phong trào thi đua:**

Gắn cuộc vận động xây dựng chi bộ Giáo dục “4 tốt” làm then chốt cho cuộc thi đua xây dựng nhà

trường tiên tiến “4 điều kiện”, xây dựng tập thể giáo viên đoàn kết nhất trí, đều tay xoay việc, hiệu trưởng là con chim đầu đàn

Huyện đã chọn cử một tập thể lãnh đạo của các trường có đủ tiêu chuẩn đức tài, trong đó việc đề bạt hiệu trưởng là quan trọng nhất. Điều đặc biệt là đội ngũ hiệu trưởng của huyện đều là những đảng viên, giáo viên có phẩm chất tốt, song về chuyên môn hầu hết là giáo viên dạy kê lớp trên. Huyện đã đặt nhiệm vụ cho anh em và tạo điều kiện cho họ học hàm thụ trong một thời gian ngắn nhất phải tốt nghiệp theo cấp dạy học (Giáo viên cấp II phải tốt nghiệp cấp III, cấp I phải tốt nghiệp cấp II). Đồng thời, phòng đã đưa 1 số giáo viên đi học sư phạm cấp trên, trong quy hoạch cán bộ của huyện, của ngành .

Để bảo đảm khối đoàn kết nhất trí, đều tay xoay việc phòng rất coi trọng việc giải quyết những mâu thuẫn nội bộ nảy sinh, xử lý nghiêm khắc đối với cán bộ giáo viên thoái hoá, gây mất đoàn kết nội bộ (kiểm điểm và điều đi nơi khác 3 giáo viên về mất đoàn kết, đánh lục, hủ hoá, cách chức 1 hiệu trưởng cấp I vì đã đánh giáo viên, cho thôi hiệu trưởng cấp I vì đã lạm tiêu học phí).

Do đó, trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, 17/18 chi bộ giáo dục đạt tiêu chuẩn “4 tốt”. Các hiệu trưởng dạy hè đã tốt nghiệp hàm thụ bậc học cấp trên,



hầu hết đã được bầu là chiến sĩ thi đua lao động tiên tiến của ngành nhiều năm liền . Một số trường tiên biểu sau đây :

1. Trường cấp III Lê Hồng Phong: Là một trường có số lớp, giáo viên, học sinh đông nhất các trường trong huyện. Hiệu trưởng là đồng chí Tống Sơn Lâm đã vừa công tác, vừa học thêm để đảm bảo cấp học. Là một thầy giáo tận tâm với trường trong hơn 20 năm, giữ vững được khối đoàn kết nhất trí trong toàn trường, từ khi còn là trường cấp II, III cho đến khi trường cấp III tách riêng đồng chí đã liên tục là chiến sĩ thi đua của tỉnh. Nhà trường đạt danh hiệu trường tiên tiến. Năm 1969 trường đã được thưởng huân chương lao động hạng ba; năm 1991 Huân chương lao động hạng hai, được Thứ trưởng Bộ Giáo dục Lê Liêm lên thăm. Năm 1992 đồng chí đã qua đời vì bệnh hiểm nghèo. Tỉnh đã cử đồng chí Nguyễn Phi Bá về làm hiệu trưởng kế nhiệm. Đồng chí Bá đã tiếp tục cùng tập thể lãnh đạo đưa nhà trường tiến lên. Năm 1996, nhà trường đã được thưởng huân chương lao động hạng nhất, nhân kỷ niệm 35 năm ngày thành lập trường. Hiệu trưởng Nguyễn Phi Bá được tuyên dương nhà giáo ưu tú năm 1999.

2. Trường cấp II Thăng Lợi ( Đến 1985 đã chuyển lên thị xã Sông Công):

Trường được thành lập từ năm học 1963 - 1964. Từ 1963 đến 1972, trường đã đạt danh hiệu tiên tiến có

thành tích “ Dạy tốt, học tốt”. Sau khi kết thúc chiến tranh chống Mỹ, từ 1973 trường thực sự bắt tay vào xây dựng trường tiên tiến” 4 điều kiện” theo gương trường cấp II Bắc Lý và là trường trọng điểm của huyện.

Đồng chí Nguyễn Dung là cán bộ chuyên môn của phòng Giáo dục được cử về làm hiệu trưởng thay đồng chí Nguyễn Bá Thành bị bệnh phải nghỉ .

Với tính năng động, đồng chí Dung cùng tập thể giáo viên đã đưa trường đi vào cải tiến phương pháp giảng dạy, kết hợp giáo dục toàn diện với giáo dục hướng nghiệp:

- Trồng 6 ha đồi cây bạch đàn để tự túc vật liệu xây dựng trường. Trong đó 4 ha cây bạch hà để cất tinh dầu.

- Mượn ruộng của hợp tác xã cấy lúa, cấy nấm rom xuất khẩu, nuôi 3 trâu cày, hàng trăm con thỏ và nuôi cá giống .

- Tự nung gạch thủ công để xây trường lớp “ngói hoá” sớm nhất các trường cấp II trong huyện.

- Được tỉnh giúp đỡ xây dựng trạm phát điện 12KW trên nương cấp II hồ núi Cốc chảy qua địa phận xã Thắng lợi .

- Xây dựng vườn thực nghiệm của trường.

Do có nhiều thành tích giảng dạy và học tập nhà trường trở thành lá cờ đầu các trường cấp II của tỉnh Bắc Thái năm 1974, đã được thưởng huân chương lao động hạng 3 năm 1976, huân chương lao động hạng 2 năm 1983, bằng khen của Thủ tướng, của Bộ Giáo dục và UBND tỉnh Bắc Thái. Hai tổ chuyên môn của trường là : Tổ xã hội và Tổ tự nhiên từ năm học 1968-1969 đến những năm 70, đều đạt danh hiệu “ Tổ lao động xã hội chủ nghĩa”. Nhiều thành viên trong tổ được bầu là chiến sỹ thi đua, các thành viên trong tổ đều là lao động tiên tiến. Cán bộ, giáo viên đạt chiến sỹ thi đua 5 năm liền trở lên như đồng chí Nguyễn Dung, Hà Thế Mạn, Lưu Văn Thụy, Trần Thị Chín, Nguyễn Lê Vinh, Phạm Thị Chiến. Trong đó đồng chí Hà Thế Mạn 09 năm liền( 1969-1977) đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua, giáo viên giỏi, được Bộ trưởng Bộ giáo dục tặng bằng khen, đặc biệt năm học 1970-1971 vinh dự được nhận giải thưởng Bác Hồ. Đồng chí Nguyễn Dung, hiệu trưởng đã được tặng thưởng huân chương lao động hạng ba năm 1983, được tham quan Liên Xô năm 1987 và được phong nhà giáo ưu tú năm 1989.

Trường Thăng Lợi đã được nhiều đoàn khách đến tham quan: Đoàn Giáo dục Liên Xô, Cộng hoà Dân chủ Đức. Các đoàn giáo dục các tỉnh Hà Nội, Hải phòng, Hà Tĩnh, các huyện trong tỉnh .



Các đồng chí lãnh đạo chính phủ : Phó Thủ tướng Võ Nguyên Giáp. Bộ Trưởng Nguyễn Thị Bình, Thứ trưởng Lương Ngọc Toàn, Trần Xuân Nhĩ, Nguyễn Văn Tư, Bộ trưởng Bộ điện lực, Bộ trưởng và thứ trưởng bộ Lâm Nghiệp, các đồng chí lãnh đạo của tỉnh: Bí thư Vũ Ngọc Linh, Chủ tịch Nông Đức Mạnh (hiện nay là Tổng bí thư) cũng đã đến thăm và động viên thầy trò nhà trường

### **3. Trường cấp I Thăng Lợi: (Đến 1985 giao về Sông Công)**

Trường được thành lập từ năm 1947, qua các thế hệ hiệu trưởng Đỗ Hữu Vị, Nguyễn Đình Ngọc, Bùi Trọng Thất, Quan Văn Minh...

Là một trường có nền nếp dạy và học từ trong kháng chiến chống Pháp, tuy có thời gian nội bộ mâu thuẫn sâu sắc giữa giáo viên với hiệu trưởng, giáo viên với giáo viên. Sau khi giải quyết, thải hồi 01 giáo viên vào đầu thập kỷ 60, nhà trường ổn định và tiếp tục tiến lên đạt danh hiệu tiên tiến nhiều năm liền, là cờ đầu các trường cấp 1 của tỉnh. Nhà trường đã được cấp bằng khen của Phủ thủ tướng. Hiệu trưởng Quan Văn Minh được tham quan Cộng hoà Dân Chủ Đức.

Cùng với các trường tiêu biểu nói trên, số trường được công nhận tiên tiến cũng tăng lên: Cấp 2 Đông Cao, Hồng Tiến, Tân Hương, cấp I Thành Công.

Tổ bộ môn được công nhận tổ lao động XHCN ngày càng nhiều. Hàng chục chiến sĩ thi đua và hàng trăm lao động tiên tiến nhiều năm liên tục. Số học sinh lên lớp các cấp đạt từ 95% trở lên, tốt nghiệp các cấp đạt 90% trở lên hàng năm.

Trên cơ sở những thành tích chung nói trên, Phòng Giáo dục cũng được công nhận là phòng giáo dục tiên tiến của tỉnh.

### **b. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện “Day tốt - học tốt”.**

Đặc điểm chung nhất của đội ngũ giáo viên các cấp trong huyện là gồm nhiều thế hệ. Số đã qua kháng chiến chống pháp tuổi đã cao, chưa qua đào tạo sư phạm chính qui. Lớp mới đề bạt ở huyện đa phần là giáo viên vỡ lòng, bình dân học vụ, còn non yếu mọi mặt. Lớp được đào tạo có bài bản mới lại từ nhiều tỉnh đến. Một bộ phận được đề bạt dạy hè cấp học trên, theo phương châm “yếu hơn thiếu”. Do đó, chất lượng giáo dục chịu ảnh hưởng không nhỏ trước trình độ còn non của giáo viên.

Đứng trước yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, phòng đã lấy việc tự bồi dưỡng là chính, đồng thời mạnh dạn cử giáo viên đi học bổ túc các loại, trong đó có cho một số đi học trung cấp sư phạm của khu mở.

Về việc tự bồi dưỡng, phòng đã chọn những giáo viên dạy giỏi của các bộ môn, tổ chức dạy mẫu ở các

lớp cấp II cấp I, kiến tập khu vực. Sau đó, từng trường tổ chức kiến tập tại trường .

Phòng rất coi trọng công tác thăm lớp, dự giờ của hiệu trưởng, tổ chức kiểm tra từng trường và kiểm tra chéo giữa các trường. Giáo viên dạy giỏi, dạy tốt được xét vào chính thức, xét thưởng thi đua, nhất là việc xét cấp nâng bậc lương. Ngoài ra, phòng thực sự giúp đỡ về vật chất những giáo viên gặp khó khăn về đời sống.

Phòng đã chỉ đạo các trường tự sắm sửa, sáng chế đồ dùng giảng dạy, lập phòng thí nghiệm, xây dựng vườn thực nghiệm địa lý, sinh vật, trồng cây thuốc nam lấy tiền sắm sửa đồ dùng giảng dạy ...

### **c. Ra sức xây dựng cơ sở vật chất trường , lớp:**

Theo sự phân cấp, tình lo xây dựng cơ sở vật chất cho trường cấp III, còn lại thuộc huyện và xã. Tuy vậy, do kinh phí hạn chế nên suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, trường cấp III Lê Hồng Phong chỉ được xây dựng một số lớp học cấp 4, còn lại thầy trò phải tự lao động kiếm tiền để xây dựng thêm lớp học và nhà ở giáo viên. Nhiều năm trường phải dạy 2, 3 ca.

Các trường cấp II cũng vậy, thầy trò cũng tự xây dựng trường lớp ngày càng khang trang hơn .

Do vậy, năm học nào trước khi bước vào khai giảng thầy trò cũng phải tập trung trước một tháng để sửa chữa trường lớp, bàn ghế rất vất vả. Ngoài ra được sự giúp đỡ của phụ huynh học sinh nên các trường



đều hoàn tất việc tu sửa trường lớp trước ngày khai giảng.

Để giảm bớt khó khăn, Phòng chủ trương các trường trồng cây lấy gỗ, tự túc làm trường lớp. Huyện đồng ý cho các trường thu trước 1 năm tre tươi, đem ngâm rồi mới sử dụng tránh mối mọt. Được tỉnh cấp gỗ, phòng mở một xưởng đóng bàn ghế, cung cấp một phần cho các trường.

Các trường cấp I, vỡ lòng ở các xã do các hợp tác xã nông nghiệp lo liệu. Trường cấp I được chia làm nhiều phân hiệu HTXNN dựng lớp, đóng bàn ghế, bảng đen cho lớp học của các phân hiệu. Đa số lớp vỡ lòng học vào các lớp một khác ca. Các nhà trẻ được "ngồi hoá" sớm hơn.

Về đồ dùng giảng dạy, nhà nước cung cấp một phần cho cấp I, toàn bộ cho cấp II, III, song chỉ là những hoá chất, máy móc nhỏ, bản đồ chủ yếu. Nhà trường vẫn phải tự túc thêm. Tuy vậy, nạn "dạy chay" vẫn còn phổ biến ở các cấp học.

#### **d. Nhân dân, phụ huynh học sinh tham gia xây dựng giáo dục.**

Ngoài việc xây dựng trường lớp, nhân dân còn tham gia xây dựng nhà trường trên các mặt dưới đây:

##### *1. Đóng góp học phí, tiền xây dựng trường lớp.*

Học phí do nhà nước qui định, có miễn giảm số con em gia đình chính sách, nhà có nhiều con đi học phổ thông. Từ 1959 đến 1965, tiền học phí do phòng giáo

dục quản lý để trả lương cho giáo viên dân lập trong huyện. Từ năm 1966, sau khi tỉnh “Quốc lập hoá” giáo viên dân lập các cấp, tiền học phí thu được nộp cho phòng tài chính huyện .

Tiền xây dựng trường lớp cấp II, III của từng trường thu chi và báo cáo trước hội nghị phụ huynh học sinh hàng năm.

## *2. Hội nghị phụ huynh học sinh .*

Hàng năm, nhà trường các cấp họp phụ huynh của từng lớp học hai kỳ vào đầu các học kỳ để thông báo nhiệm vụ năm học và kết quả học tập của học sinh. Ngoài ra, tùy từng việc có thể họp hội nghị bất thường .Nhà trường lập sổ liên lạc với gia đình của từng học sinh, từng lớp, từng cấp học. Đối với học sinh có cá tính đặc biệt hoặc bỏ học giữa chừng, phòng giáo dục yêu cầu giáo viên chủ nhiệm lớp, phụ trách lớp phải xuống tận gia đình tìm hiểu.

## **B/ THỜI KỲ CHIẾN TRANH CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1965 - 1975).**

Năm 1963, Mỹ loại bỏ bọn bù nhìn, đưa ô ạt quân Mỹ vào miền Nam tiến hành chiến tranh cục bộ. Đồng thời, chúng tạo ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ, ngày 5/ 8/1965 chúng bắt đầu bắn phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Trước tình hình đó, Trung ương

Đảng ra nghị quyết 11(1965) về chuyển hướng kinh tế miền Bắc từ thời bình sang thời chiến, quyết tâm đánh bại chiến tranh phá hoại của Mỹ, bảo vệ vững chắc miền Bắc, tiếp tục chi viện miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Huyện uỷ Phổ Yên tổ chức cuộc mít tinh toàn Đảng bộ tháng 6 năm 1965 để nghe đồng chí Lê Hoàng, Bí thư tỉnh uỷ về truyền đạt Nghị quyết 11 của Trung ương. Tại cuộc mít tinh này toàn Đảng bộ đã đồng tâm nhất trí quyết tâm đánh thắng chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ trên địa bàn huyện, chi viện sức người sức của cho đồng bào miền Nam, đồng bào Kon Tum, Khánh Hoà kết nghĩa đánh thắng giặc Mỹ .

Ngày 17/10/1965 Mỹ bắt đầu ném bom cầu Gia Bẫy thị xã Thái Nguyên. Tỉnh Uỷ, UBND tỉnh ra lệnh phân tán, sơ tán nơi đông dân cư và tổ chức việc phòng tránh và đánh địch.Thi hành lệnh của tỉnh, ngành giáo dục huyện phải sơ tán triệt để các trường lớp. Phổ Yên là một trọng điểm đánh phá của địch. Rút kinh nghiệm việc địch đánh phá trong tỉnh, Phòng Giáo dục đã chỉ đạo các trường vỡ lòng phổ thông cấp I, II sơ tán về các xóm cách xa 2 trục giao thông chính là đường sắt Hà nội - Thái Nguyên và quốc lộ 3. Lớp học đặt nửa nổi, nửa chìm xuống đất, có hào giao thông từ lớp ra xa tự động ra hầm hào. Hồ cá nhân xa lớp để tránh bom hơi và bom bi. Nhà trường tổ chức thực tập báo động sao cho học sinh đang học ở lớp tản ra hầm hào nhanh nhất, các trường cấp II, III luyện tập sơ cứu phòng không.



Các trường chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương của Phòng. Thầy trò được nhân dân đồng tình giúp đỡ, giành đất vườn của gia đình cho nhà trường đặt lớp. Chỉ trong vòng nửa tháng, các trường đã làm xong việc sơ tán kịp thời khai giảng năm học 1966 - 1967. Riêng trường cấp II, III Lê Hồng Phong năm học 1966 - 1967 chuyển sang học ban đêm, học sinh đi học rất vất vả, nhất là những đêm tối trời mưa gió rét nhưng vẫn đông đủ. Từ năm học 1967 - 1968, nhà trường chia làm 2 phân hiệu. Phân hiệu một do đồng chí Tống Sơn Lâm phụ trách chuyên lên xóm Đắc Hiền, xã Đắc Sơn. Phân hiệu 2 do đồng chí hiệu phó Nguyễn Văn Hồi và bí thư chi bộ Đỗ Anh Toàn phụ trách chuyển về sơ tán tại thôn Trường Thọ xã Tân Hương. Cả hai phân hiệu đều chuyển sang học ban ngày.

Khó khăn nhất là trường cấp II và cấp I xã Thuận Thành. Trong xã có 2 đường chính chạy qua, lại có cầu sắt và cầu bê tông. Địa dư đã hẹp lại có trận địa pháo phòng không của tỉnh và khu. Ở xã này, vào những thời điểm gay go, ác liệt nhất, nhà trường đã cho học sinh tranh thủ học sáng sớm hay lúc chiều tối để tránh máy bay địch. Mỹ đánh vào Phổ Yên hai đợt. Đợt đầu từ ngày 6/7/1966 chúng ném bom vào nhiều nơi ở xã Hồng Tiến. Dân dân chúng đánh phá ra toàn huyện. Nơi trọng điểm bị đánh phá là các thôn xóm ven đường sắt và quốc lộ 3. Ga Ba Hàng Phổ Yên bị

huỷ diệt hoàn toàn. Hai cầu đường sắt và đường bộ bị đánh nhiều lần. Cầu đường bộ bị sập hoàn toàn. Cầu đường sắt bị hỏng nhiều lần, song ta sửa chữa nhanh nên vẫn tiếp tục thông tàu. Trong đợt đánh phá này có trận đánh vào trường học. Trận 7h30 sáng ngày 21/5/1967, địch ném bom bị xuống nhà máy gạch Phố Yên và xóm Đình, Tảo Địch xã Tân Phú. Hôm ấy học sinh lớp 10 trường Lê Hồng Phong đang lao động gây quỹ. Máy bay ném bom, học sinh tản đội hình, phân tán ra cánh đồng nên chỉ bị thương nhẹ 3 học sinh, trong khi công nhân bị chết 1, bị thương 14 người.

Trận 8h30 sáng ngày 19/09/1967, địch ném bom toạ độ xuống thôn Vân Trai. Hai quả bom phá cách lớp học 20m. Do lớp học đặt nửa chìm xuống đất nên không có thương vong.

Trận 8h30 ngày 30/06/1967 địch ném bom bị xuống xã Thành Công. Do tổ chức sơ tán và luyện tập tránh địch tốt, học sinh đã chạy hết ra hầm trú ẩn thì một quả bom bị rơi vào lớp 2. Học sinh không bị thương vong.

Trận 7h30 ngày 7/7/1967 học sinh phân hiệu 1 trường cấp III Lê Hồng Phong đã nấp vào hầm trú ẩn, hầm đào chưa đủ độ sâu, 1 học sinh ngồi ngoài cùng bị mảnh đạn văng vào đã chết. Đặc biệt, học sinh 2 xã Thuận Thành, Trung Thành nơi trọng điểm đánh phá của địch suốt 2 năm vẫn được an toàn do tổ chức phòng tránh tốt.

Trong chiến tranh phá hoại ác liệt của Mỹ, nhà trường Phổ Yên vẫn tiếp tục dạy mạnh, thi đua dạy tốt, học tốt. Đặc biệt, thời gian này huyện đã phát động phong trào văn nghệ quần chúng “Tiếng hát át tiếng bom”.

Năm 1972, sau hơn 2 năm ngừng ném bom miền bắc, Mỹ đã đánh phá trở lại. Đợt đánh phá này dịch chuyển sang ban đêm, trọng điểm dịch đánh phá là Thành phố Thái Nguyên. Tuy nhiên Phổ Yên vẫn bị dịch ném bom, bắn tên lửa 5 trận. Trong đó có 1 trận vào 1 giờ đêm ngày 15/10/1972 tại xóm Đầm thôn Phù Lôi xã Thuận Thành làm chết 22 người, trong đó có 5 công nhân đường sắt và bị thương 22 công nhân đường sắt khác.

Đây là trận thương vong cao nhất trong cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ đánh phá vào Phổ Yên.

Thực hiện khẩu hiệu của tỉnh nêu ra “Vì đồng bào miền Nam ruột thịt, vì đồng bào KomTum - Khánh Hoà hết nghĩa yêu thương, thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” ngành giáo dục Phổ Yên đã cố gắng như sau:

- Năm 1964, Phổ Yên cử 4 giáo viên cấp II vào vùng giải phóng miền Nam, Giáo dục đã điều 3 thầy giáo: Đào Văn Tâm, Đoàn Nếp, Trần Ngọc Phảng vào dạy trong Nam, trả lại giáo viên Nguyễn Xuân Trường.



Chỉ tính từ năm 1965 đến 1975, Phổ Yên đã cung cấp cho chiến trường 4.997 quân nhân, đại bộ phận là học sinh cấp II,III. Trong đó, ngành Giáo dục có hơn 40 thầy giáo nhập ngũ. Nhìn chung các thầy đã hoàn thành nhiệm vụ, sau ngày thắng lợi đã trở lại địa phương tiếp tục dạy học. Vinh quang nhất có 4 thầy đã hy sinh anh dũng tại chiến trường. Đó là: Thầy Trần Hải xã Vạn Phái giáo viên cấp I, thầy Trần Văn Mẫn xã Tân Phú giáo viên cấp I, thầy Đỗ Văn Liệu xã Đắc Sơn giáo viên cấp I, thầy Nguyễn Khắc Thu xã Đồng Tiến, giáo viên cấp I.

Ngoài ra, còn có các giáo viên cấp III: Mai Lễ, Phạm Lê Văn, Diệp Văn Sinh, Nguyễn Thị Dung vào tiếp vùng giải phóng. Thầy Nguyễn Đăng Phong giáo viên cấp II và Nguyễn Huy Hàm giáo viên cấp I sang giúp nước bạn Lào.

Gần 1 vạn chiến sĩ, đại bộ phận là học sinh đã tốt nghiệp lớp 10, đã xếp bút nghiên đi chiến đấu. Sau ngày chiến thắng trở về, nhiều em đã đi học tiếp các trường đại học. Có em đã trở thành cán bộ trung cao cấp của Đảng, chính quyền và quân đội.

**CHƯƠNG V**  
**SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CỦA HUYỆN**  
**TỪ SAU NGÀY THỐNG NHẤT TỔ QUỐC**  
**( TỪ 1976 – 2006)**

**A. GIAI ĐOẠN 1976 - 1985.**

Sau 30 năm đất nước bị chia cắt làm hai miền có hai chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục khác nhau. Ở miền Bắc xây dựng nền giáo dục XHCN. Ngược lại, ở miền Nam là nền giáo dục thực dân mới. Năm 1976, nước nhà mới thống nhất về mặt nhà nước, các mặt còn lại đã phải trải qua một giai đoạn ngắn để hoà nhập làm một trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ tư (12/1976), ngành Giáo dục bước vào thực hiện cải cách giáo dục lần thứ 3 nhằm xây dựng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Giữ vững mục đích,

mục tiêu, nguyên lý, phương châm giáo dục XHCN đã đề ra từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3 năm 1960, cuộc cải cách giáo dục lần này đi vào cải tiến về tổ chức, quản lý, nội dung chương trình học tập và sách giáo khoa các ngành học, cấp học.

### **1. Về cơ cấu ngành học:**

- Ngành giáo dục Miền non chính thức được thành lập. Ngành giáo dục phổ thông từ 10 năm kéo dài lên 12 năm chia làm hai cấp học .

- THCS - 9 năm (sáp nhập cấp I và cấp II).

- THPT - 3 năm , từ lớp 10 đến lớp 12.

- Mỗi cấp có 1 trường, hết cấp có kỳ thi tốt nghiệp riêng.

### **2. Về nội dung chương trình và sách giáo khoa.**

Những năm có chiến tranh, chương trình học thiên về dạy chữ. Đến nay, Đảng và nhà nước nhấn mạnh phải dạy người, dạy chữ, dạy nghề. Vì vậy, chương trình giáo dục phổ thông tăng thêm một số môn học mới . Chính trị, lý luận Mác- Lê - Nin, công dân giáo dục đạo đức học, kỹ thuật công nông nghiệp. Môn học ngoại ngữ ngày càng trở thành môn học bắt buộc ở tất cả các ngành học, cấp học.

Chương trình giáo dục và sách giáo khoa được sửa đổi từ lớp đầu tiên lên lớp trên cơ sở thống nhất cả



nước. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ giáo viên theo chương trình giáo dục mới .

### 3. Tổ chức và quản lý giáo dục .

Cuộc cải cách giáo dục lần này vào lúc đất nước gặp vô cùng khó khăn. Kinh tế của cả nước bị tàn phá nặng nề sau 30 năm chiến tranh. Đế quốc Mỹ thực hiện “bao vây, cấm vận,” đối với Việt Nam. Nguồn viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng giảm sút. Thế lực thù địch thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình, chống phá ta về mọi mặt, nhất là nước ta phải đối đầu với hai cuộc chiến tranh mới ở cả hai đầu đất nước. Cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp trong thời gian dài đã gây hậu quả nghiêm trọng. Trong nông nghiệp, thiên tai liên tiếp xảy ra trong cả nước.

Năm 1985, tỉnh lập thị xã Sông Công, Phổ Yên giao lại các xã Cải Đan và thị trấn Mỏ chè, tiếp đó năm 1999 giao thêm xã Bình Sơn. Trong đó đã giao cả 2 trường cấp I và cấp II Thắng Lợi là trường điểm của huyện về đơn vị mới, trường cấp I và cấp II xã Thắng Lợi ( bao gồm cả Cải Đan).

Vượt lên trên tất cả những khó khăn chông chát dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền từ tỉnh xuống cơ sở, được nhân dân nhiệt tình giúp đỡ, ngành giáo dục huyện vốn đã phát triển vững mạnh đã tiếp tục vươn lên trong giai đoạn mới cả về số lượng và chất lượng giáo dục .

### 3.1 Về mạng lưới trường lớp:

Trong những năm 70, ngành Giáo dục mầm non chưa được xây dựng hoàn chỉnh trong hệ thống giáo dục. Các nhà trẻ phát triển mạnh ở các cơ quan, nông trường, xí nghiệp – Do Ủy ban chăm sóc bà mẹ trẻ em quản lý. Giáo dục mẫu giáo trong toàn tỉnh chưa phát triển. Ở Phổ Yên, chỉ có một số đơn vị cơ quan và xã có lớp mẫu giáo như : Tiên phong, Hồng Tiến, Tân Hương, Thành Công, đơn vị Z131, nhà máy Cơ khí Phổ Yên, Tổng kho 3, còn lại nhiều cơ sở trống về mẫu giáo. Gây ảnh hưởng không nhỏ cho chất lượng đầu vào của Giáo dục tiểu học. Ngành Giáo dục đã sớm nhận ra điều này và tập trung chỉ đạo tích cực, phát triển ngành học mẫu giáo, xoá các đơn vị “ trống ” về mẫu giáo từ giữa những năm 70.

Hệ thống trường lớp bậc học trung học cơ sở được xây dựng và phát triển mạnh mẽ, rộng khắp trên toàn huyện theo mô hình: Bộ phận cấp II đều được xây dựng ở trung tâm xã và thị trấn, còn lại các lớp cấp I được gọi là phân hiệu đặt ở cơ sở thôn xóm, rất thuận tiện cho độ tuổi bậc tiểu học tới trường. Trung bình mỗi xã có từ 3 đến 4 phân hiệu. Đến cuối những năm 70 toàn huyện có 20 trường phổ thông cơ sở ở 19 đơn vị xã và thị trấn, thu hút 25.027 học sinh , với 945 giáo viên.

Bậc phổ thông trung học ở thời kỳ này, Phổ Yên vẫn có 1 trường Lê Hồng Phong, do vậy số lớp, học sinh, giáo viên tăng nhanh. Để khắc phục tình trạng quá tải

và tạo điều kiện cho con em đi học gần hơn, ngành giáo dục đã chủ động tham mưu với huyện xây dựng đề án trình UBND huyện và tỉnh thành lập trường phổ thông trung học kỹ thuật Bắc Sơn đặt tại thị trấn Bắc Sơn cho học sinh 5 xã miền núi phía tây của huyện. Một phân hiệu đặt ở cơ sở trường B1 gần Thanh xuyên cho con em các xã phía nam huyện vào học. Sau một số năm do việc quản lý dạy và học không đảm bảo, phân hiệu này lại chuyển về trung tâm tại Ba Hàng. Nhìn chung, việc xây dựng và phát triển hệ thống trường lớp trong thời kỳ này đáp ứng kịp thời và thoả mãn nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong huyện. Được nhân dân đồng tình ủng hộ.

### **3.2. Về xây dựng cơ sở vật chất với phong trào “Ngói hoá trường lớp”**

Ở một huyện thuần nông, kinh tế hợp tác xã kém phát triển, nguồn đầu tư cho xây dựng trường lớp không được là bao. Hệ thống trường lớp quá lớn, đại bộ phận tranh tre nửa lá, tạm bợ, bị “ xuống cấp” nhanh sau mỗi năm.

Với chủ trương” Nhà nước và nhân dân cùng làm” trong đó nhân dân là chính, ngành giáo dục xây dựng nội dung, tham mưu với huyện, thực hiện chương trình “ Ngói hoá trường lớp”. Yêu cầu của chương trình là : Xoá phòng học tạm bợ, tranh tre nửa lá, xây dựng phòng học bằng gạch ngói. Trong đó, phần xây



tường và khung mái từ nguồn huy động sức đóng góp của dân. Phần ngôi lợp do chương trình tài trợ. Từ huyện đến cơ sở xã, thị trấn đều lập ban xây dựng và hội đồng nghiệm thu, gồm đủ các thành phần: chính quyền, tài chính, giáo dục, hội cha mẹ phụ huynh học sinh tham gia.

Với sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, chương trình “Ngói hoá trường lớp” đã được triển khai nhanh chóng thành phong trào, thu hút toàn dân tham gia. Chỉ trong một thời gian ngắn 1984 – 1985 toàn huyện đã làm được 203 phòng học “Ngói hoá”. Đây là kết quả của một chủ trương hợp với lòng dân, khơi đúng vào mạch nguồn của truyền thống hiếu học vốn có từ lâu đời của nhân dân các dân tộc trong huyện. Mặc dù, cuộc sống còn vô vàn khó khăn thiếu thốn, nhưng các bậc phụ huynh vẫn vươn lên giành những gì tốt nhất cho sự học hành của con cháu, coi đây như là cái đích không ngừng đi tới của mỗi gia đình và dòng họ.

### **3.3 Về đầu tư xây dựng trang thiết bị cho dạy và học.**

Thực hiện phương châm: Giảng dạy gắn với thực tế, học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Nhu cầu đòi hỏi trang thiết bị phục vụ dạy và học rất lớn, nguồn đầu tư của nhà nước không đủ đáp ứng, nên đồ dùng giảng dạy và học tập trong nhà trường chủ yếu do thầy và trò

tự làm. Chuyên môn cùng với công đoàn ngành phát động phong trào (Thi đua làm đồ dùng giảng dạy và học tập) rộng rãi trong tất cả các ngành học, cấp học, môn học, với nội dung và hình thức đa dạng: tự làm, sưu tầm, quyên góp, tăng chi phí mua sắm đồ dùng qua công ty thiết bị đồ dùng dạy học của ngành. Phong trào vận động đông đảo lực lượng, giáo viên, học sinh và các bậc phụ huynh tham gia. Nhiều giáo viên giành cả tiền lương tháng làm đồ dùng dạy học cho nhà trường.

Kết quả của phong trào này đã đem lại cho nhà trường một diện mạo mới, ngoài phòng học, nhà tập thể, nay có thêm phòng đồ dùng dạy học, vườn sinh vật, vườn địa lý, vườn ươm cây. Ở những đơn vị tiên tiến, trường điểm như trường cấp 2 Thắng Lợi có phòng thư viện, thí nghiệm, phòng thực hành, phòng bộ môn: Văn, sử địa, thể chất. Mỗi giáo viên còn tự lo xây dựng bộ đồ nghề dạy học cá nhân và được tham dự hội thi toàn huyện.

Để duy trì và từng bước nâng cao chất lượng đồ dùng tự làm, hàng năm theo định kỳ, phòng Giáo dục tổ chức thi đồ dùng dạy học tự làm theo ngành học, cấp học giữa các trường trong toàn huyện. Đây được coi là tiêu chuẩn thi đua của nhà trường trong năm học. Hội thi được tổ chức long trọng hàng năm đã trở thành ngày hội truyền thống của giáo dục, góp phần

quan trọng vào công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

### **3.4 Về bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên.**

Thời kỳ những năm 70 và 80, đội ngũ giáo viên luôn ở tình trạng vừa thiếu lại vừa yếu, nguồn đào tạo từ nhiều loại hình trường lớp và hệ thống sư phạm khác nhau, năng lực chuyên môn còn thấp. Do nhiều nguyên nhân khó khăn việc bồi dưỡng nâng cao không được thực hiện thường xuyên trong giáo viên.

Trước thực trạng này, ngành giáo dục thực hiện chủ trương : đào tạo và đào tạo lại đội ngũ giáo viên, thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ được nâng lên, thành chế độ bắt buộc. Luân phiên cử cán bộ giáo viên đi học tập tại chức và tập trung. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về để dạy tốt môn học, cấp học mình đang công tác.

Tổ chức thi kiểm tra kiến thức và nghiệp vụ đối với toàn thể giáo viên lần đầu tiên vào năm 1986, Phổ Yên được chọn làm điểm chỉ đạo của tỉnh. Từ đó, thi kiểm tra giáo viên được tổ chức theo định kỳ hàng năm, đưa việc học tập, bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao trình độ của giáo viên vào nền nếp.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục được coi trọng. Từ bộ Giáo dục tới cấp tỉnh, hình thành trường bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục . Học qua



trường này được xem như một tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ quản lý trong ngành giáo dục.

Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên là yếu tố quyết định làm lên chất lượng giáo dục trong nhà trường. Đây thực sự là cuộc vận động lớn trong ngành tiếp sức cho nhà trường hoàn thành mục tiêu giáo dục, góp phần thực hiện chuẩn hoá giáo viên vào thời kỳ đầu những năm 2000.

### ***3.5- Về truyền thống hoạt động Đoàn - Đội trong nhà trường.***

Khâu thực hiện mục tiêu giáo dục, ngành hết sức coi trọng công tác Đoàn- Đội trong nhà trường. Đây là yếu tố cấu thành chất lượng giáo dục toàn diện.

Hoạt động Đoàn trong nhà trường dưới sự lãnh đạo trực tiếp của hệ thống tổ chức đoàn 4 cấp: Trung ương đoàn, tỉnh Đoàn, huyện Đoàn và đoàn xã, thị trấn. Công tác đoàn chủ yếu là ở trường cấp 3 nay là trường phổ thông trung học Lê Hồng Phong và trường phổ thông trung học Phổ Yên, trường phổ thông trung học Bắc Sơn. Với cơ cấu tổ chức : Toàn trường có Ban chấp hành Đoàn trườngtrực thuộc huyện Đoàn Phổ Yên, mỗi lớp được thành lập một chi Đoàn. Hoạt động của Đoàn được tổ chức theo chủ đề xuất phát từ nhiệm vụ năm học, hình thức đa dạng, phong phú xoay quanh nhiệm vụ Dạy tốt học tốt trong nhà trường. Do phong trào của Đoàn được duy trì thường

xuyên có kết quả nên hoạt động Đoàn của trường phổ thông Lê Hồng Phong – Phổ Yên được Trung ương Đoàn công nhận là đơn vị dẫn đầu công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học.

Toàn bộ học sinh các trường tiểu học và trung học cơ sở đều ở lứa tuổi thiếu niên, nhi đồng, việc chăm lo xây dựng tổ chức và hoạt động của Đội thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh và Đội nhi đồng Hồ Chí Minh trong nhà trường được ngành giáo dục và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng. Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ IV (năm 1980) đã ra nghị quyết thành lập hội đồng phụ trách Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh gọi tắt là Hội đồng đội, được tổ chức từ cấp xã, phường, thị trấn tới Trung ương trực tiếp chỉ đạo công tác Đội ở nhà trường. Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh trong nhà trường được tổ chức : toàn trường là một liên đội, mỗi lớp là một chi đội. Giáo viên chủ nhiệm lớp đồng thời là một phụ trách đội. Trường được cử một giáo viên chịu trách nhiệm công tác Đội gọi là Tổng phụ trách được trừ 50% số giờ dạy chuyên môn để phụ trách công tác Đoàn, Đội trong nhà trường và được hưởng phụ cấp % theo bậc lương theo từng hạng trường. Trường hạng 1 được 01 biên chế chuyên trách công tác này.

Hoạt động của Đội lấy 5 điều Bác Hồ dạy làm mục tiêu phấn đấu, rèn luyện cho đội viên, giúp đội viên

phát triển mọi khả năng trong học tập và hoạt động vui chơi, thực hiện quyền và bổn phận theo Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em :

Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào

Học tập tốt, Lao động tốt

Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt

Giữ gìn vệ sinh thật tốt

Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.

Năm điều Bác Hồ dạy, được xây dựng thành những chương trình, nội dung thi đua theo chủ đề năm học gắn với thực tế. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước những năm 60 Đội hoạt động hết sức sôi nổi trong phong trào:

“ Vâng lời Bác dạy

Làm nghìn việc tốt

Chống mỹ cứu nước

Thiếu niên sẵn sàng ”

Trong hoàn cảnh chiến tranh, nhiều khó khăn đặt ra, nhưng phong trào thi đua học tập và làm theo các điển hình tiên tiến phát triển mạnh trong nhà trường. Đội lại có phong trào theo chủ đề “ Về thăm Bắc Lý, quyết chí tiến lên”(Trường cấp 2 Bắc Lý- Nam Hà là điển hình tiên tiến, lá cờ đầu của ngành giáo dục toàn miền Bắc).

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30-4-1975, với khẩu hiệu “ Vì Tổ quốc xã hội



chủ nghĩa, vì lý tưởng của Bác Hồ vĩ đại; Sẵn sàng” hoạt động của Đội lại sôi nổi qua các phong trào: “Cuộc hành quân theo chân những người anh hùng”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”, phong trào “ Em làm kế hoạch nhỏ”, “Trồng một cây, nuôi một con”, “chăm ngoan, học giỏi, làm nghìn việc tốt, tiến bước lên đoàn”.

Hàng năm huyện Đoàn cùng với ngành giáo dục tổ chức Đại hội cháu ngoan Bác Hồ cho các đội viên đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ diện xuất sắc và tổ chức lễ báo công tại lăng Bác Hồ.

Hoạt động Đội trong nhà trường được duy trì liên tục, nội dung phong phú, hình thức đa dạng phát triển nhanh, tạo nên sức sống trong nhà trường góp phần tích cực cho nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

## **B. GIAI ĐOẠN ĐỔI MỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ( 1986 – 2006).**

Trong giai đoạn này có sự thay đổi địa giới của tỉnh và của huyện. Năm 1997 tỉnh Bắc Thái lại chia thành hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên. Năm 1999 Phổ Yên chuyển giao xã Bình Sơn về Thị xã Sông Công . Từ năm 2000 Phổ Yên ổn định đơn vị cơ sở 15 xã, 3 thị trấn. Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 8, Trung ương Đảng khoá 7 ra nghị quyết 2/TW về Giáo dục.

Đây là nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng về sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo, khoa học- công nghệ bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện, “ Công nghiệp hoá- Hiện đại hoá đất nước” với mục tiêu “ Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh “.

Nghị quyết 2/NQ của Trung ương đã khẳng định “Giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ” là “ Quốc sách” hàng đầu của sự nghiệp “ Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá” theo định hướng XHCN từ 1991 đến năm 2010.

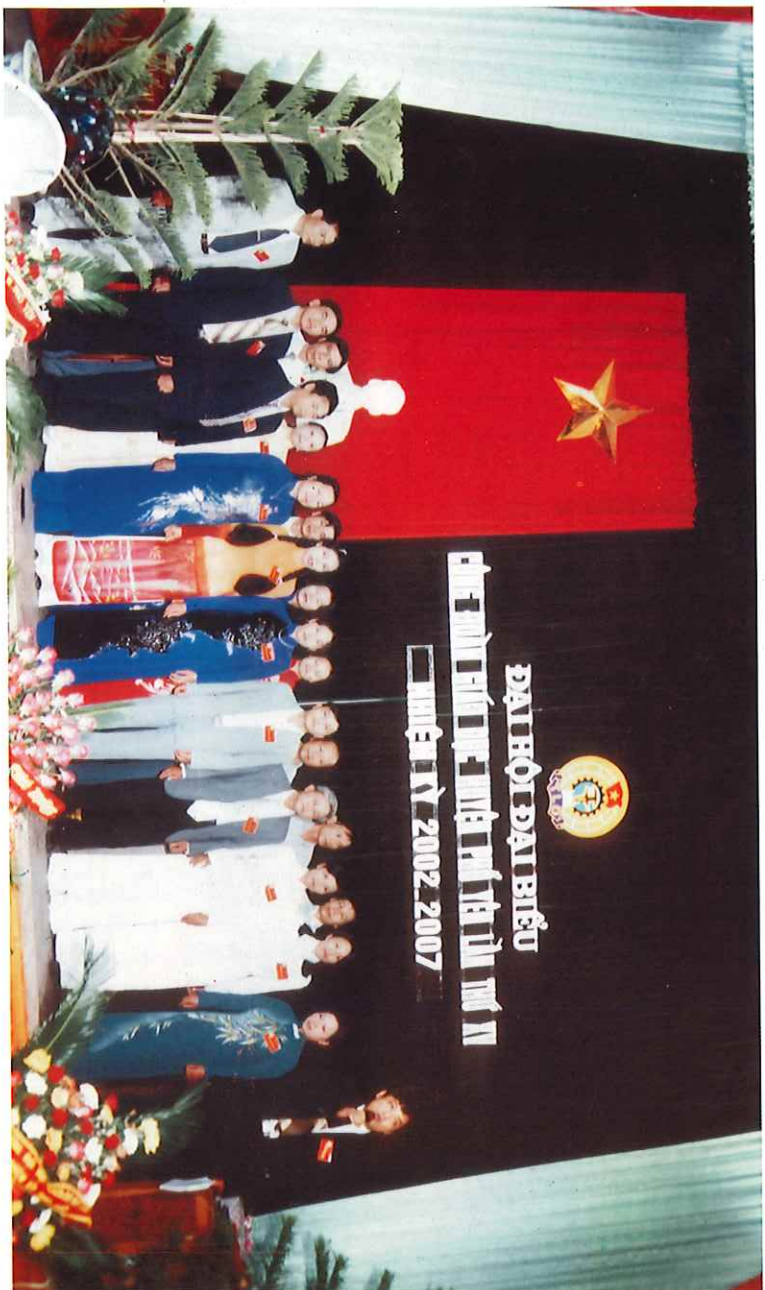
Mục đích, mục tiêu và nhiệm vụ của giáo dục là “ Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài ” cho sự nghiệp phát huy nội lực để chấn chỉnh đất nước. Mục tiêu phấn đấu của toàn quốc phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2005, phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010, tiếp tục phổ cập bậc trung học sau năm 2010.

Để thực hiện mục tiêu nói trên, Đảng và nhà nước chủ trương thực hiện các giải pháp “ 3 hoá” ( Xã hội hoá, hiện đại hoá, chuẩn hoá giáo dục) theo phương châm “ Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Quốc hội khoá 10 đã thông qua luật giáo dục. Chính phủ đã xây dựng tỉnh Thái Nguyên thành 1 trong 6 khu trung tâm giáo dục của cả nước. Thực hiện nghị quyết của Đảng và Nhà nước đã đề ra, Bộ Giáo dục và đào tạo đã lập khu đại học Thái Nguyên thành trung tâm giáo dục và đào tạo cho các tỉnh miền núi từ Nghệ An, Hà Tĩnh



Trụ sở phòng giáo dục huyện Phở Yên





Đại hội đại biểu công đoàn giáo dục huyện Phổ Yên lần thứ XV nhiệm kỳ (2002 - 2007)

trở ra Bắc. Đồng thời Bộ đã cho tái lập các trường tiểu học theo luật giáo dục, thực hiện “ Đa dạng hoá” các loại hình trường học, lớp học, xây dựng các chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, các trường sở các cấp học, các chuẩn giáo viên từ Miền non trở lên, đào tạo mới đội ngũ cán bộ quản lý các cấp. Nhà nước tăng thêm đầu tư cho giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Đặc biệt, Nhà nước đã ban hành chính sách mới đãi ngộ tiền lương cho giáo viên các cấp gồm tiền lương chính đứng hàng đầu các ngành hành chính sự nghiệp, phụ cấp đứng lớp cho các giáo viên vùng cao, miền núi, hải đảo, vùng xa, vùng sâu. Thời hạn nâng bậc lương của giáo viên các cấp từ 5 năm trước đã rút lại 3 năm. Có thể nói, chính sách đãi ngộ nhà giáo của giai đoạn này là cao nhất từ trước đến nay. Trong hoàn cảnh đất nước vừa đổi mới, vừa ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế, ngân sách quốc gia còn hạn hẹp, đây là một cố gắng lớn của Nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá 8, hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khoá 9 đã ra quyết nghị về tiếp tục thực hiện nghị quyết Trung ương 2 khoá 8 về phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010. Nghị quyết nhấn mạnh giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, nòng cốt là đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đặc biệt tập trung

vào những nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, phát triển giáo dục cả đại trà và mũi nhọn..., mở rộng hệ thống trường mầm non trên mọi địa bàn dân cư, hoàn thành phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010, thực hiện phổ cập bậc trung học phổ thông ở những nơi đã phổ cập trung học cơ sở, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục .

Nghị quyết đề ra nhiều giải pháp trong đó lấy việc tăng lương sự lãnh đạo của Đảng và năng lực quản lý của nhà nước, coi việc phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện là một chỉ tiêu phấn đấu xây dựng đảng bộ trong sạch vững mạnh. Xây dựng và triển khai chương trình “ Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục một cách toàn diện”. Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng đa dạng hoá , chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá. Tăng cường đầu tư cho giáo dục đúng với yêu cầu “ Giáo dục là Quốc sách hàng đầu”

Đối chiếu với nghị quyết Trung ương 2 khoá 8 và kết luận của hội nghị Trung ương 6 khoá 9, sự nghiệp giáo dục của Phổ Yên đến hết năm 2006 đã đạt được như sau :

## **1- Mạng lưới, quy mô phát triển**

### ***1.1. Về giáo dục mầm non:***

Là một ngành học mới lập song đã phát triển rất nhanh nhờ sự tăng trưởng kinh tế nâng cao đời sống của nhân dân trong huyện . Đến năm học 2005 -2006



toàn huyện đã có 21 trường mầm non. Hàng năm đã huy động được trên 20 % vào các lớp bé từ 1- 3-4 gần 80%, 5 tuổi = 100%, số cháu được chuyển vào lớp 1 năm học đạt 100 %. Kết quả của giáo dục Mầm non những năm qua đã tạo cơ sở cho việc phổ cập giáo dục tiểu học của huyện được vững chắc. Đã có 02 trường đạt chuẩn Quốc gia là trường mầm non Sơn Ca, mầm non Hồng Tiến 1.

### **1.2 Giáo dục Tiểu học :**

Toàn huyện có 18 xã, thị trấn có 28 trường tiểu học ( Đã tách hết ra khỏi các trường phổ thông cơ sở) . Tổng số lớp 417, Học sinh 10.820, trong đó riêng lớp 5 có 89 lớp và 2.519 học sinh Phổ Yên đã đạt tiêu chuẩn phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi, đã có 20/28 trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 1 và phổ cập tiểu học đúng độ tuổi toàn huyện vào năm 1999. Kết quả của việc phổ cập giáo dục tiểu học đã tạo điều kiện cho huyện phấn đấu phổ cập giáo dục THCS.

### **1.3 Giáo dục trung học cơ sở :**

Đến năm học 2004 - 2005 tất cả các xã, thị trấn trong huyện đã có 17 trường trung học cơ sở, với tổng số lớp là 283, học sinh là 10.573 trong đó, riêng lớp 9 có 80 lớp và 3252 học sinh .

Toàn huyện đã hoàn thành phổ cập giáo dục THCS năm học 2003 -2004, vượt mức thời gian tỉnh quy định 1 năm, mức Bộ quy định là 6 năm. Đầu năm 2004, Bộ Giáo dục và đào tạo đã kiểm tra và công nhận toàn tỉnh

Thái Nguyên đã hoàn thành phổ cập THCS. Hiện nay đã có 04 trường THCS đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2001- 2010 là trường THCS Đồng Tiến, Trung Thành, Đỗ Cận và Hồng Tiến, trường THCS Đỗ Cận được nhận cờ thi đua của Chính phủ.

#### ***1.4 Giáo dục Trung học phổ thông và các loại hình khác:***

Để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở, sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông của huyện đã phải mở thêm 1 trường nữa là trường trung học KT Bắc Sơn đặt tại thị trấn Bắc Sơn cho các xã phía tây Phổ Yên và vùng phía nam huyện Đại Từ.

Năm học 2003 - 2004 mở thêm 1 trường THPT cho các xã phía nam của huyện, như vậy lúc này huyện Phổ Yên có 3 trường THPT.

Ngoài hệ thống trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT trên địa bàn huyện còn có một trung tâm giáo dục chính trị của huyện đảng bộ, một trung tâm giáo dục hướng nghiệp dạy nghề, một trung tâm GDTX của huyện đặt tại Thông Hạc xã Nam Tiến và Trường trung cấp xây dựng cơ bản đặt ở Gò Gai xã Trung Thành nay là trường Cao đẳng Xây lắp điện trực thuộc Bộ công nghiệp và 01 trung tâm dạy nghề của huyện.

Với mạng lưới trường học các loại nói trên được phân bố rộng khắp các vùng, các xã trong huyện Phổ

Yên đã thực hiện được nhiều chức năng trong sự nghiệp phát triển giáo dục trên địa bàn huyện, tạo điều kiện phấn đấu xây dựng một xã hội học tập trong thời gian tới, thực hiện ngày càng tốt hơn nhiệm vụ nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài của huyện trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước và địa phương .

Đi đôi với việc phát triển về số lượng, huyện rất coi trọng phát triển về chất lượng về mọi mặt theo hướng “ Chuẩn hoá” do Bộ Giáo dục và đào tạo đã đề ra .

## **2. Chuẩn hoá về cơ sở vật chất của nhà trường :**

Thực hiện phương châm “ Nhà nước và nhân dân cùng làm” Chính phủ đã đầu tư thêm cho giáo dục, phát hành trái phiếu xây dựng trường lớp. UBND tỉnh Thái Nguyên, ngoài việc đầu tư ngân sách đã vay vốn của ngân hàng phát triển châu Á ( ADB). Nhân dân, phụ huynh Phổ yên đóng góp thêm tiền của công sức để thực hiện “ Kiên cố hoá, cao tầng hoá ” trường học mầm non, tiểu học và phổ thông các cấp. Đến năm học 2004 - 2005 đã xoá bỏ hoàn toàn các lớp học 3 ca 100% trường lớp được “ Ngồi hoá” cấp 4, đã có 368 phòng học cao tầng.

Trường lớp được khang trang, sạch đẹp, đủ tiện nghi hơn đã tạo điều kiện cho học sinh học 2 buổi trong ngày để nâng cao kiến thức học tập, thực hành đồ dùng dạy học được trang bị ngày càng đủ và tốt . Số trường đạt chuẩn quốc gia có:



- Mầm non : 02
- Tiểu học: 20
- Trung học cơ sở: 04
- Phổ thông trung học : 0

Đặc biệt là số phòng học cao tầng đã được xây dựng khá nhiều. Tổng số có 368 phòng học cao tầng trong đó: mầm non :13 phòng; tiểu học :130 phòng; THCS :135 phòng; TTGD TX- HN: 20 phòng; THPT: 70 phòng.

### **3. Chuẩn hoá giáo viên các ngành học, cấp học và cán bộ quản lý giáo dục :**

Bộ giáo dục và đào tạo đã xây dựng tiêu chuẩn giáo viên và cán bộ quản lý các cấp. Trên cơ sở đó, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường sư phạm để đào tạo và đào tạo lại giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp .

Đến năm học 2006 - 2007, Phổ Yên đã đạt chuẩn quốc gia về giáo viên và cán bộ quản lý như sau :

- Giáo viên mầm non đạt chuẩn: 80%
- Giáo viên tiểu học đạt chuẩn: 95%
- Giáo viên trung học cơ sở đạt chuẩn : 95%
- Giáo viên trung học phổ thông đạt chuẩn : 97%
- Cán bộ quản lý:
- + Hiệu trưởng Mầm non: 23
- + Hiệu trưởng Tiểu học: 28

- + Hiệu trưởng trung học cơ sở : 17
- + Hiệu trưởng phổ thông trung học: 03
- + Trưởng phòng giáo dục: 01
- + Giám đốc GDTX: 01
- + Giám đốc TTKTTHHN: 01
- + Giám đốc TTDạy nghề: 01

#### **4. Tăng cường chất lượng xây dựng hệ thống chính trị trong nhà trường các cấp.**

Huyện uỷ Phổ Yên thông qua ban tuyên giáo và ban tổ chức lãnh đạo nhiệm vụ, phát triển sự nghiệp giáo dục và xây dựng các chi bộ đảng trong các nhà trường trong huyện.

Đến năm học 2005 – 2006 toàn huyện có 72 chi bộ giáo dục, 739 đảng viên là giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Trong đó có chi bộ trực thuộc Huyện uỷ là chi bộ Phòng giáo dục, hai trường phổ thông trung học Lê Hồng Phong, Bắc Sơn và Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề- GDTX.

Nhìn chung, các chi bộ Đảng giáo dục đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Tuyệt đối bộ phận đảng viên giáo dục đủ tư cách do đã phát huy tác dụng đầu tàu trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy trong trường và công tác quản lý tại cơ sở. Đó là chưa kể hàng trăm đảng viên giáo dục đã nghỉ hưu ở địa phương hoặc được điều động sang công tác các ngành khác trong huyện.

Công đoàn giáo dục huyện cũng được phát triển mạnh về cả số lượng và chất lượng.

Công tác Đoàn thanh niên và Đội thiếu niên, nhi đồng tiếp tục kiện toàn, tập trung hoạt động vào phong trào thi đua dạy người, dạy chữ và dạy nghề trong nhà trường .

### **5. Phong trào vận động xây dựng “ Dân chủ, Kỷ cương, tình thương và trách nhiệm trong ngành ”.**

Trong những năm 80 của thế kỷ trước, khi đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, trong ngành giáo dục cũng nảy sinh những điều bất cập. Ở trong huyện nổi lên những việc sau đây với mức độ khác nhau của từng ngành học, cấp học, từng địa phương. Đó là việc học sinh bỏ học giữa cấp ngày một tăng. Do đời sống nhân dân gặp khó khăn, học sinh thi trượt đại học, trung học ngày càng nhiều. Giáo viên các cấp, nhất là giáo viên phi nông nghiệp đời sống sa sút. Nhiều người phải lao động ngoài giờ kiếm thêm để đảm bảo đời sống, dẫn tới sự giảm sút về chất lượng giảng dạy. Việc tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp còn bất hợp lý, dẫn tới phát triển lan tràn các lò luyện thi khắp nơi. Trong khi đó, trong ngành lại chủ trương mở những trường chuyên lớp chọn có ưu tiên ưu đãi.

Bộ đã mở cuộc vận động lập lại “Dân chủ, kỉ cương, tình thương, trách nhiệm” trong ngành nhằm



tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học, khắc phục triệt để những tiêu cực nảy sinh, phục vụ đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Cuộc vận động này đã được trong ngành thực hiện nghiêm túc và được xã hội đồng tình ủng hộ.

Phong trào thi đua “Hai tốt”, xây dựng nhà trường tiên tiến tiếp tục phát triển và nâng cao thành phong trào “Dạy giỏi, học giỏi” ở tất cả các ngành học, cấp học. Hàng năm tỉnh và huyện đã tổ chức thi giáo viên dạy giỏi các cấp, học sinh giỏi trong các trường tiểu học và phổ thông, từ cơ sở lên đến tỉnh và Trung ương

Kết quả phong trào này đã nâng cao dân tỷ lệ tốt nghiệp học sinh tiểu học và phổ thông trung học toàn huyện (Kỳ họp thứ 3 Quốc hội khoá 11 tháng 11/2004 đã thông qua chủ trương xoá bỏ kỳ thi tốt nghiệp tiểu học từ năm học 2004 - 2005 thay bằng xét tuyển vào lớp 6 phổ thông cơ sở).

## **6. Thực hiện chủ trương “Xã hội hoá giáo dục”.**

Thế kỉ 21 là thế kỷ của nền kinh tế trí thức, thế kỷ của tin học và công nghệ sinh học. Trên phạm vi toàn cầu, xu hướng hội nhập và nhất thể hoá kinh tế là tất yếu và diễn ra trên khắp hành tinh trong bối cảnh vừa hợp tác vừa đấu tranh cùng tồn tại và phát triển. Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương từ nay đến 2020 biến nước ta từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu thành một nước công nghiệp thực hiện đồng bộ mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội

công bằng, dân chủ, văn minh. Thái Nguyên là một tỉnh trung du và miền núi, có bề dày truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước đang chuyển mình từng bước từ nguồn kinh tế nông - lâm nghiệp tự nhiên, tự cung, tự cấp sang một tỉnh có cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ ngày càng giàu mạnh. Phổ Yên đã từng là lá chắn của trấn Thái Nguyên xưa, nay là đầu cầu phía Nam của tỉnh giao lưu kinh tế và văn hoá với các tỉnh bạn và thủ đô Hà Nội. Tuy vậy, Phổ Yên lại đất chật, người đông nhất so với các huyện trong tỉnh. Ngày nay, cũng đang trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện. Cơ sở công nghiệp tăng lên sẽ làm thay đổi nhanh bộ mặt các xã trong huyện. Tất cả những chuyển biến lịch sử nói trên đòi hỏi Phổ Yên phải bắt kịp với sự phát triển của đất nước, thông qua việc mau chóng xây dựng một xã hội học tập, học đức, học chữ, học nghề. Để thực hiện được mục tiêu đó, nhân dân trong huyện phải tự giác thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục, trước hết trên các mặt chính sau đây:

- Phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, tập trung thực hiện tốt chủ trương “chuẩn hoá” cơ sở vật chất nhà trường trong thời gian ngắn nhất.

- Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục phổ thông tiểu học, phổ thông trung học cơ sở, phấn đấu thực hiện phổ cập phổ thông trung học.

- Phát triển và tham gia nhiều loại hình học nghề, học việc để phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công

nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giải quyết việc làm cho người lao động nông nghiệp sang ngành nghề khác khi bị thu hồi đất vì mục đích phát triển chung.

- Tham gia với ngành giáo dục quản lý tốt học sinh sinh viên tại địa phương, ngăn chặn và loại trừ các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường thông qua việc giáo dục, quản lý con em mình từ trong gia đình và ngoài xã hội.

- Đẩy mạnh hoạt động của Hội khuyến học, phát triển ngày càng nhiều “gia đình hiếu học”, “Dòng họ khuyến học” ở địa phương.

Hiện nay ở Phổ Yên số trường lớp đạt chuẩn Quốc gia mới đạt đối với ngành mầm non 02/23 trường = 8,7 % đối với tiểu học 20/28 = 71,4 % đối với THCS 04/17 = 23,52 %.

Với quan điểm giáo dục đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng của Nhà nước và của toàn dân, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển. Giáo dục và đào tạo là Quốc sách hàng đầu. Đảng và nhà nước ta chủ trương xã hội hoá công tác giáo dục Xã hội hoá được dùng trong nhiều lĩnh vực, với nhiều ý nghĩa. Chúng ta hiểu khái niệm xã hội hoá giáo dục với nghĩa phổ biến nhất là toàn xã hội làm giáo dục. Trước hết làm cho xã hội nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của giáo dục, thực trạng của giáo dục địa phương, nhận rõ trách nhiệm của xã hội đối với giáo dục, phát triển giáo dục



phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Mặt khác phải tạo ra nhiều nguồn cho giáo dục. Làm giáo dục không thuần túy trong nhà trường, phá thế đơn độc của nhà trường, thực hiện kết hợp trong nhà trường và ngoài nhà trường, kết hợp các lực lượng giáo dục: Nhà trường- Gia đình- Xã hội, tạo ra môi trường giáo dục tốt, thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu giáo dục. Hơn nữa xã hội hoá giáo dục là con đường thực hiện dân chủ hoá giáo dục, tạo điều kiện để mọi người trong xã hội tham gia quản lý, xây dựng nhà trường.

Chủ trương xã hội hoá giáo dục được triển khai thực hiện ở Phổ Yên từ những năm 90. Khởi động ban đầu là đại hội giáo dục các cấp cơ sở, bước đi ban đầu, một cách làm, một biện pháp quan trọng, một con đường để xã hội hoá giáo dục trong toàn huyện. Năm 1990 Phòng Giáo dục và Công đoàn giáo dục phối hợp mở đại hội giáo dục cấp cơ sở, xã Vạn Phái được chọn là đơn vị chỉ đạo điểm. Từ năm 1991 đến 1994, 18 xã và thị trấn trong toàn huyện đã tổ chức thành công đại hội giáo dục cấp cơ sở. Năm 1995 ngành giáo dục huyện Phổ Yên đã mở được đại hội giáo dục cấp huyện lần thứ nhất, được Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên chọn là đơn vị điểm chỉ đạo trên địa bàn toàn tỉnh.

Qua đại hội giáo dục từ cấp huyện tới cơ sở làm cho xã hội hiểu rõ thực trạng của giáo dục, địa

phương thấy được vị trí, vai trò, lợi ích của giáo dục, hiểu sâu sắc hơn quan điểm giáo dục của Đảng về đổi mới sự nghiệp giáo dục, qua đó nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, của nhân dân trong xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục ở địa phương. Đại hội giáo dục cấp cơ sở đã xây dựng được cơ chế liên kết, hợp đồng trách nhiệm, hợp lý giữa các lực lượng xã hội, gia đình và nhà trường nhằm thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục tại địa phương, nổi bật là kế hoạch huy động học sinh đến lớp đúng độ tuổi, kế hoạch xoá nạn mù chữ, thực hiện giáo dục phổ cập tiểu học, nâng cao chất lượng phổ cập trung học cơ sở. Đại hội giáo dục cơ sở đã góp phần quan trọng tạo nguồn đầu tư về cơ sở vật chất cho giáo dục, huy động được các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp tham gia xây dựng giáo dục, góp phần tích cực xây dựng cơ sở vật chất trường lớp, xây dựng quỹ hỗ trợ tài năng, quỹ vì tuổi thơ, quỹ tình thương, tạo động lực cho người dạy, góp phần chăm lo đời sống cán bộ, giáo viên.

Từ thực tiễn cho thấy, xã hội hoá giáo dục đã đem lại sức sống mới cho sự nghiệp trồng người. Làm giáo dục không còn đơn phương của nhà trường mà là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn xã hội. Tất cả cùng ý nguyện thực hiện chân lý "trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai".

## **7. Phong trào khuyến học, khuyến tài ở Phổ Yên trong thời kỳ đầu của những năm 2000.**

Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo của nhân dân vốn có từ lâu. Truyền thống ấy luôn được bồi đắp những yếu tố mới, cùng với sự phát triển của xã hội nhất là khi tổ chức hội khuyến học ra đời ở 4 cấp từ trung ương tới cơ sở theo quyết định của chính phủ ký từ năm 1996. Hội là tổ chức của mọi người Việt Nam tâm huyết với sự nghiệp trồng người, phấn đấu cho phong trào toàn dân học tập, toàn dân tham gia làm giáo dục. Hội khuyến khích và hỗ trợ phát triển giáo dục, gọi tắt là Hội khuyến học.

Hội có nhiệm vụ: khuyến khích hỗ trợ phong trào giáo dục, học tập nâng cao văn hoá, nghề nghiệp của mọi người trong và ngoài nhà trường ở mọi vùng, đặc biệt là người nghèo. Hội cổ vũ xã hội tôn vinh người thầy, chăm sóc, khuyến khích người thầy nâng cao tri thức, đạo đức, nghiệp vụ, kiến nghị với nhà nước có chính sách đãi ngộ tương xứng với vị thế người thầy trong xã hội. Hội có nhiệm vụ làm tư vấn về giáo dục, tập hợp ý kiến của các nhà giáo có kinh nghiệm, các nhà khoa học đề xuất với nhà nước có chủ trương, chính sách nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện Ủy, Ủy ban nhân dân Huyện, sự tham mưu và hỗ trợ tích cực của ngành giáo dục, đại hội Khuyến học huyện Phổ Yên lần thứ nhất nhiệm kỳ 2002 – 2007 được tổ chức khai



mạc vào ngày 27/12/2002. Đại hội đã bầu ra ban chấp hành hội Khuyến học huyện gồm 33 thành viên, chủ yếu là các đồng chí đang công tác, giữ cương vị chủ chốt các phòng ban ở huyện và cơ sở xã, thị trấn. Thường trực hội Khuyến học huyện gồm các đồng chí được bầu giữ chức vụ sau :

1. Đồng chí : Hà Thế Mạn – Trưởng ban tuyên giáo huyện – Chủ tịch hội

2. Đ/C Nguyễn Thanh Cao – Trưởng phòng Giáo dục – Phó chủ tịch hội

3. Đ/C Đông Văn Đức – Chủ tịch Hội cựu Thanh niên xung phong – Phó chủ tịch hội.

4. Đồng chí Nguyễn Tiến Đạt- Phó trưởng phòng giáo dục – Thư ký hội

Ngay sau đại hội khuyến học cấp huyện- cấp cơ sở tiến hành tổ chức đại hội. Đến tháng 6 năm 2003, hệ thống tổ chức khuyến học được khép kín từ huyện tới 18 xã thị trấn. Các chi Hội được phát triển mạnh tới tận thôn xóm và các tiểu khu dân cư, các nhà trường trong huyện. Việc xây dựng và phát triển tổ chức hội được thực hiện theo phương châm : ở đâu có tổ chức Đảng, có đảng viên ở đó có tổ chức hội và hội viên khuyến học. Tính đến năm 2006, toàn huyện có 18 tổ chức hội, 333 chi hội, trong đó 122 chi hội trường học, 211 chi hội thôn xóm và tiểu khu phố. Thu hút 11.041 hội viên tham gia hoạt động khuyến học ở cơ sở. Hội khuyến học từ huyện tới cơ sở rất coi trọng nhiệm vụ vận động

xây dựng quỹ hội từ nguồn đóng góp của hội viên, quyên góp từ các đoàn thể xã hội, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm... Trung bình mỗi năm gần 2 trăm triệu đồng để khen thưởng các học sinh giỏi, đạt kết quả xuất sắc qua các kỳ thi, giáo viên có thành tích cao và diện học sinh nghèo vượt khó học giỏi. Việc sử dụng quỹ đảm bảo đúng theo điều lệ quỹ khuyến học Việt Nam qui định.

Hưởng ứng phong trào xây dựng “Gia đình hiếu học” và “Dòng họ khuyến học” do Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam phát động, Hội khuyến học huyện Phổ Yên tập trung xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học với những tiêu chí mới, nhằm phát huy truyền thống hiếu học, đưa mạnh khuyến học, khuyến tài vào mọi nhà, đến với mọi người, tạo cơ hội cho mọi người được học và học thường xuyên, học suốt đời. Làm cho mỗi gia đình trở thành hạt nhân vững chắc của xã hội học tập. Cuộc vận động này được triển khai thực hiện ở Phổ Yên từ năm 2004, với những nỗ lực của các cấp hội, với truyền thống hiếu học sẵn có đến năm 2006 đã có 199 dòng họ khuyến học, 520 gia đình hiếu học theo tiêu chí của trung ương và tỉnh hội đề ra. Năm 2004 đã chọn được 8 gia đình hiếu học tiêu biểu của huyện đi dự hội nghị biểu dương gia đình hiếu học tỉnh Thái Nguyên lần thứ nhất. Năm 2005 Hội Khuyến học huyện đã mở được hội nghị tuyên dương khen thưởng (Dòng họ

khuyến học, gia đình hiếu học) huyện Phổ Yên lần thứ nhất.

Hội khuyến học ra đời là yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển giáo dục. Hội đã góp phần hỗ trợ tích cực thực hiện các mục tiêu giáo dục ở địa phương, được các cấp uỷ đảng, chính quyền đánh giá cao, nhân dân đồng tình ủng hộ.

### **8. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng ở xã và thị trấn.**

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX khẳng định. “ Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần người Việt Nam , coi Giáo dục và Đào tạo, khoa học công nghệ là nền tảng của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ”. Vì vậy phải đẩy mạnh phong trào tự học trong nhân dân bằng hình thức giáo dục chính qui và không chính qui. Thực hiện giáo dục cho mọi người, cả nước trở thành một xã hội học tập.

Trong kết luận của ban thường vụ Tỉnh uỷ Thái Nguyên số 268/TB-TU ngày 3/11/2003 nêu rõ: Phải xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng từ năm 2003 đến năm 2010 tại các xã, thị trấn, phường tỉnh Thái Nguyên. Tạo điều kiện cho tất cả mọi người được học tập, đặc biệt là những người không có điều kiện tới trường, đáp ứng nhu cầu cần gì học nấy, phù hợp với mọi đối tượng, các khu vực nhằm nâng cao dân trí, gắn kết cộng đồng.



Bước vào tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của Trung ương và quan điểm chỉ đạo của tỉnh, thực tế trên địa bàn Phổ Yên đã xuất hiện nhiều hình thức học tập mở lớp linh hoạt, thời gian ngắn gọn, nội dung đa dạng, địa điểm mở lớp tới tận xóm làng, thôn bản, rất thuận lợi cho người đến học, nhưng chưa có tên gọi cho loại hình học tập này. Trong điều kiện thuận lợi đó, chủ trương của Trung ương và tỉnh được triển khai đã có tác động, nhanh và sâu sắc đến toàn thể các bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức về xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng tiến tới xây dựng một xã hội học tập, Hội Khuyến học cùng Phòng Giáo dục - Đào tạo phối hợp xây dựng đề án phát triển trung tâm học tập cộng đồng giai đoạn 2003 - 2010) huyện Phổ Yên, trình uỷ ban nhân dân huyện và được phê duyệt theo quyết định 299/QĐ-UB ngày 28/01/2004 của uỷ ban nhân dân huyện Phổ Yên về đề án này.

Sau khi đề án được phê duyệt, Hội khuyến học đã kết hợp chặt chẽ với ngành giáo dục - Đào tạo mở nhiều hội nghị trao đổi, học tập, nghiên cứu các văn bản hướng dẫn của cấp trên, tìm hiểu học tập kinh nghiệm thực tế của các đơn vị bạn về xây dựng trung tâm học tập cộng đồng, từng bước triển khai trên địa bàn huyện. Kết quả cuối năm 2003 đầu năm 2004, 8 trung tâm học tập cộng đồng được thành lập ở các xã: Tiên Phong, Hồng Tiến, Tân Hương, Nam Tiến, Phúc Thuận, Thị trấn Bãi Bông, Ba Hàng và Bắc Sơn . Đến

tháng 4- 2005 các xã còn lại đều thành lập được trung tâm học tập cộng đồng. Như vậy, chỉ trong thời gian ngắn từ cuối năm 2003 đến năm 2005: 18/18 xã thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng. Phổ Yên là đơn vị hoàn thành dự án phát triển trung tâm học tập cộng đồng sớm nhất so với các đơn vị huyện, thành trong tỉnh. Mỗi trung tâm được thành lập được hỗ trợ ban đầu cho hoạt động là 10 triệu đồng, trong đó ngân sách hoạt động của Ngành chi cho mỗi trung tâm 5 triệu đồng và ngân sách tỉnh 5 triệu đồng.

Ngay sau khi được thành lập, tuy còn mới và nhiều bất ngờ, song cả 18 trung tâm đều sớm đi vào hoạt động. Ban quản lý các trung tâm đã từng bước vươn lên điều hành chương trình và kế hoạch mở lớp. Nội dung học tập ở trung tâm đa dạng, thiết thực như thông tin tư vấn về chuyển giao công nghệ, giống cây trồng, vật nuôi, bảo vệ thực vật, vệ sinh an toàn thực phẩm, thông tin về bảo vệ sức khoẻ dân số kế hoạch hoá gia đình, phòng chống HIV, an toàn giao thông, học tập pháp luật, qui ước làng xã...

Cơ sở vật chất của trung tâm học tập cộng đồng là hội trường UBND xã, các nhà văn hoá ở làng xóm, thôn bản, hoạt động của trung tâm đa dạng, linh hoạt, thích hợp với từng cơ sở, nội dung học tập ngắn gọn, thiết thực theo tinh thần “Cần gì- học nấy”. Chính từ các hình thức hoạt động như vậy các trung tâm học tập cộng đồng được đông đảo cán bộ và nhân dân thừa

nhận và đồng tình ủng hộ. Nhiều trung tâm đã đi vào hoạt động có hiệu quả, trong đó có 03 trung tâm học tập cộng đồng hoạt động tích cực đó là trung tâm học tập cộng đồng xã Tân Hương, Nam Tiến, TT Ba Hàng... Năm 2006 Trung tâm học tập cộng đồng xã Tân Hương đã được Vụ giáo dục thường xuyên- Bộ Giáo dục phối hợp với UNECO Hà Nội cho cử người đi tập huấn sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin tại Hà Nội để viết bài, phục vụ cho các hoạt động của trung tâm và đã được trang bị 02 dàn máy vi tính, 01 máy in Laser, 01 máy ảnh kỹ thuật số và một số thiết bị khác và sẽ trang bị các thiết bị như TTHTCĐ Tân Hương cho TTHTCĐ xã Nam Tiến, TT Ba Hàng...

### **C. NGÀNH GIÁO DỤC HUYỆN PHỔ YÊN THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG.**

Ngày nay, lực lượng giáo dục ở địa phương bao gồm cả thầy giáo đương nhiệm và đã nghỉ hưu. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, công tác xã hội ở địa phương hầu như chỉ dựa vào lực lượng giáo viên phổ thông các cấp. Trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước, nhà trường thực hiện “một hội đồng hai nhiệm vụ”, ngoài việc giảng dạy trong trường còn tham gia bổ túc văn hoá cho nhân dân lao động là công tác xã hội hàng đầu của ngành giáo dục. Từ sau ngày thống nhất



đất nước, ngành được tập trung vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, các công tác xã hội khác được giảm hẳn.

Ở cơ sở hiện nay, số lượng giáo viên đã nghỉ chế độ ngày càng nhiều. Song việc tổ chức và sử dụng lực lượng này như thế nào để xây dựng địa phương còn đang bị bỏ ngỏ. Đại bộ phận anh chị em này vẫn giữ được phẩm chất người thầy giáo trong cuộc vận động xã hội lớn như phong trào “đền ơn đáp nghĩa” đối với người có công. Ngành giáo dục trong huyện đã xây được một nhà tình nghĩa ở xã Tiên Phong. Gần đây, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vận động phong trào “xoá đói, giảm nghèo”. Năm 2004 toàn ngành đã ủng hộ một đợt 50 triệu đồng vào quỹ “cứu trợ” của huyện.

Những hoạt động xã hội nói trên còn ít, chưa đúng với tiềm lực của toàn ngành. Hiện nay ở cơ sở đang xây dựng nhà văn hoá, đang vận động phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư”, nên chăng, cần tập hợp, tổ chức và sử dụng lực lượng giáo viên và học sinh làm nòng cốt cho phong trào này.

## KẾT LUẬN

Nhìn lại quá trình phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện, qua các thời kỳ lịch sử, Phổ Yên luôn giữ vững vị trí và vai trò là một trong những trung tâm văn hoá giáo dục của trấn lỵ Thái Nguyên xưa và của tỉnh Thái Nguyên ngày nay. Đặc biệt là sự phát triển ngày càng mạnh mẽ, đều khắp từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 và nhất là sau 1991, đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện.

Với một huyện kinh tế còn nghèo nàn, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn như Phổ Yên thành tựu nói trên quả là một kì tích dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Điều này cũng là sự phản ánh đậm nét truyền thống hiếu học của nhân dân các dân tộc trong huyện.

Nhân dân các dân tộc Phổ Yên cùng với đội ngũ giáo viên chính là những người đóng góp không nhỏ đối với sự nghiệp giáo dục của huyện. Ở bất cứ thời

điểm lịch sử nào, người thầy giáo vẫn giàu lòng yêu nước hết lòng yêu thương học sinh, giữ được phong cách đạo đức trong sáng của mình trước mọi thách thức và cám dỗ của cuộc sống. Từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945 thầy giáo và cán bộ quản lý giáo dục được Đảng, Nhà nước và nhân dân quý trọng. Đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư của Đảng đã từng nói: “Nghề dạy học là một nghề rất khó, nhưng cũng là một nghề cao quý nhất. Tôi nghĩ rằng trong những người lao động của xã hội ta thì người được kính trọng nhất là người thầy giáo và thầy thuốc. Đảng ta và nhân dân ta giao phó việc dạy dỗ con em của mình cho các đồng chí cũng tức là phó thác cho các đồng chí sứ mệnh đào tạo thế hệ tương lai cho cả dân tộc ta. Vì vậy, Đảng ta và nhân dân ta rất quý mến và hết lòng biết ơn với các đồng chí ...”. Sự nghiệp giáo dục của Phổ Yên đã có bề dày truyền thống trong phong trào 2 tốt, nhiều năm liên tục được được cấp trên khen thưởng, đặc biệt trong năm học 2003-2004 và năm học 2005-2006 ngành giáo dục Phổ Yên được suy tôn là đơn vị dẫn đầu toàn diện ngành giáo dục tỉnh Thái Nguyên .

Với những thành tích bước đầu, sau 20 năm đổi mới, ngành giáo dục Phổ Yên tiếp tục cần có sự chỉ đạo sát sao, quan tâm đặc biệt của Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện Phổ Yên, của Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Thái Nguyên, sự cộng đồng trách nhiệm của các cơ quan ban ngành chức năng, các tổ chức chính trị, xã



hội trên địa bàn cùng toàn thể nhân dân cùng chăm lo đến sự nghiệp giáo dục huyện nhà. Với sự nỗ lực phấn đấu, rèn luyện, lao động và phục vụ của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ các nhà giáo huyện Phổ Yên quyết tâm duy trì, phát triển sự nghiệp giáo dục của huyện đảm bảo:

Kỷ cương, nề nếp

Chất lượng và thương hiệu

Ổn định và bền vững

Hội nhập với khu vực và các nước trên thế giới để góp phần đưa huyện ta bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn huyện, góp phần cùng toàn tỉnh thực hiện đổi mới, xây dựng tỉnh Thái Nguyên ngày càng giàu mạnh, văn minh.

## PHỤ LỤC

### I. ĐƠN VỊ TIÊN TIẾN VỀ GIÁO DỤC: (Trước năm 1985)

1. Phòng Giáo dục - Đào tạo Phổ Yên được công nhận là phòng tiên tiến về quản lý sự nghiệp giáo dục.

2. Trường THPT Lê Hồng Phong là trường tiên tiến nhiều năm liền, được thưởng huân chương lao động hạng 3 năm 1969, hạng nhì năm 1991, hạng nhất năm 1996.

3. Trường cấp hai Thắng Lợi (1985 đã chuyển về thị xã Sông Công) là trường tiên tiến, lá cờ đầu của các trường cấp II trong tỉnh .

Trường đã được thưởng huân chương lao động hạng 3 năm 1976, hạng nhì năm 1983.

4. Trường cấp I xã Thắng Lợi (năm 1985 đã chuyển về thị xã Sông Công) đã nhận được bằng khen của phủ Thủ tướng

### II. NHÀ GIÁO ƯU TÚ, CHIẾN SĨ THI ĐUA CỦA NGÀNH.

#### \* Nhà giáo ưu tú:

1. Đồng chí Nguyễn Phi Bá - hiệu trưởng trường cấp III Lê Hồng Phong - Phổ Yên được tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú năm 1989.

2. Đồng chí Nguyễn Dung - hiệu trưởng trường cấp II Thắng Lợi - Phố Yên được tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú năm 1989 và huân chương lao động hạng 3 năm 1983.

3. Đồng chí Đỗ Long- giáo viên trường cấp III Lê Hồng Phong - Phố Yên được tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú năm 2002

**\* Chiến sĩ thi đua:**

***Thời kỳ trước năm 1985***

1. Đồng chí Trần Quốc Thu - trưởng phòng Giáo dục, được nhận bằng khen của Bộ Giáo dục năm 1965.

2. Đồng chí Tống Sơn Lâm - hiệu trưởng trường cấp II- III Lê Hồng Phong.

3. Đồng chí Nguyễn Dung- hiệu trưởng trường cấp 2 Thắng Lợi.

4. Đồng chí Hà Thế Mận- Phó hiệu trưởng trường cấp 2 Thắng Lợi.

5. Đồng chí Lưu Văn Thụy- giáo viên trường cấp 2 Thắng Lợi.

6. Đồng chí Trần Thị Chín – giáo viên trường cấp 2 Thắng Lợi.

7. Đồng chí Quản Văn Hình – giáo viên trường cấp 1 Thắng Lợi.



8. Đồng chí Dương Văn Mùi- giáo viên trường cấp 1 Thăng Lợi.

9. Đồng chí Lưu Bá Năm- hiệu phó trường cấp 1 Thăng Lợi.

*Trong thời kỳ đổi mới từ năm 1985 đến nay đã có rất nhiều cán bộ, giáo viên đạt chiến sỹ thi đua cấp huyện và cấp tỉnh.*

### III. CÁN BỘ QUẢN LÝ PHÒNG GIÁO DỤC HUYỆN TỪ NGÀY THÀNH LẬP (1951) ĐẾN NAY.

*\* Ban giáo dục huyện: (8/1951 - 1961).*

1. Trưởng ban - Đồng chí Trịnh Văn Ngâu, uỷ viên thư ký UBHC huyện Phổ Yên. Sau đó là Phạm Văn Hợp, uỷ viên thư ký UBHC Phổ Yên.

2. Phó ban: Đồng chí Trần Quốc Thu, hiệu trưởng trường cấp 1 xã Tân Phú, tổ trưởng cán sự ty Giáo dục tỉnh Thái Nguyên.

*\* Phòng Giáo dục:*

- Trưởng phòng (kiêm bí thư chi bộ giáo dục, thư ký công đoàn giáo dục huyện, trưởng ban tuyên giáo huyện uỷ Phổ Yên, trưởng phòng văn hoá huyện từ 1961 - 1969): đồng chí Trần Quốc Thu.

- Phó phòng: đồng chí Nguyễn Văn Luật (1960 - 1965) đồng chí Luật đi học sư phạm 7 + 2, đồng chí Nguyễn Đình Xuyên thay từ năm 1965 - 1969.

- Trưởng phòng: đồng chí Nguyễn Đình Xuyên (1969 - 1984), thay đồng chí Trần Quốc Thu sang huyện uỷ.

- Phó phòng: đồng chí Đỗ Thị Bích Đào

- Trưởng phòng: đồng chí Đỗ Thị Bích Đào (1984-1985) thay đồng chí Nguyễn Đình Xuyên (nghỉ hưu).

- Phó phòng: đồng chí Hà Thế Mạn.

- Trưởng Phòng: đồng chí Hà Thế Mạn (1985 - 1990) thay đồng chí Đỗ Thị Bích Đào (chuyển lên thị xã Sông Công).

- Phó phòng: đồng chí Ngô Xuân Triệu- Sau đó đồng chí Ngô Xuân Triệu chuyển sang Chánh Văn phòng UBND huyện Phổ Yên.

- Đồng chí Trần Thị Chín - hiệu phó trường PTCS Đông Cao được bổ nhiệm chức Phó trưởng phòng, sau đó đồng chí Trần Thị Chín chuyển sang làm Hội trưởng Hội phụ nữ huyện.

- Đồng chí Hà Ngũ- giáo viên trường cấp 3 Lê Hồng Phong được bổ nhiệm làm phó trưởng phòng giáo dục. Sau đó đồng chí Hà Ngũ chuyển về làm Hiệu trưởng trường Bồ túc cán bộ huyện.

- Đồng chí Ngô Thượng Chính – giáo viên trường cấp3 Lê Hồng Phong được bổ nhiệm phó trưởng phòng giáo dục.

- Trưởng phòng: đồng chí Ngô Thượng Chính (1990-1997) thay đồng chí Hà Thế Mận sang Huyện uỷ huyện Phổ Yên.

- Phó phòng: đồng chí Nguyễn Văn Chính, Ngô Văn Tiên.

- Trưởng phòng: đồng chí Nguyễn Văn Chính (1998- 2004) thay đồng chí Ngô Thượng Chính lên Sở giáo dục Thái Nguyên.

- Phó phòng: đồng chí Ngô Văn Tiên, đồng chí Nguyễn Thanh Cao.

- Trưởng phòng: đồng chí Nguyễn Thanh Cao thay đồng chí Nguyễn Văn Chính sang UBND huyện Phổ Yên từ năm 2004 đến nay.

- Phó phòng: đồng chí Ngô Văn Tiên, đồng chí Nguyễn Tiến Đạt.

#### **IV. CHÁNH, PHÓ THƯ KÝ CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC HUYỆN:**

a. Phân đoàn giáo dục: (Kháng chiến chống Pháp) 1951, phân đoàn trưởng: đ/c Trần Quốc Thu; phân đoàn phó: Bùi Quang Hưởng.

b. Công đoàn giáo dục từ sau 1960:

- Chánh thư ký: đồng chí Trần Quốc Thu.

- Chánh thư ký: đồng chí Nguyễn Văn Trình (1963 - 1965).



- Chánh thư ký: đồng chí Nguyễn Phong.
- Chánh thư ký: đồng chí Nguyễn Công Uyên (1968 - 1971).
- Chánh thư ký: đồng chí Đoàn Nếp,
- Chánh thư ký: đồng chí Nguyễn Văn Hải,
- Chánh thư ký: đồng chí Lưu Văn Trác .Từ đến năm 1988
- Phó thư ký: đồng chí Trần Thị Lương
- Chủ tịch : đồng chí Ngô Văn Tiền (1988-2002)
- Phó chủ tịch: đồng chí Hoàng Thị Định
- Chủ tịch: đồng chí Hoàng Thị Định – Kiêm Phó chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện Phổ Yên từ 2002 đến nay.
- Phó chủ tịch: đồng chí Nguyễn Tiến Đạt.

#### **V. GIÁO VIÊN THAM GIA VÀO TỈNH ỦY, HUYỆN ỦY.**

1. Đồng chí Triệu Quang Sơn, quê Sơn Cốt xã Đắc Sơn, bí thư huyện uỷ huyện Đồng Hỷ, tỉnh uỷ viên dự khuyết tỉnh Thái Nguyên, chuyên viên 4 Ban tổ chức TW Đảng, đã nghỉ hưu.
2. Đồng chí Trần Quốc Thu, quê xã Tân Phú - Phổ Yên, Phó Bí thư thường trực huyện uỷ Phổ Yên, Phó Ban Tuyên giáo thường trực tỉnh Bắc Thái, Trưởng Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ tỉnh Bắc Thái, Trưởng Ban

cán sự, Trưởng ty văn hoá - thông tin tỉnh Bắc Thái, đã nghỉ hưu.

3. Đồng chí Nghiêm Xuân Hiếu, quê quán xã Tiên Phong huyện Phổ Yên, bí thư thị uỷ thị xã Sông Công, tỉnh uỷ viên tỉnh Bắc Thái, đã nghỉ hưu.

4. Đồng chí Nguyễn Đình Xuyên, quê quán xã Đông Tiến - Phổ Yên trưởng phòng Giáo dục Phổ Yên, huyện uỷ viên huyện Phổ Yên.

5. Đồng chí Đỗ Thị Bích Đào, trú quán thị xã Sông Công, trưởng phòng Giáo dục huyện Phổ Yên, huyện uỷ viên Phổ Yên.

6 Đồng chí Ngô xuân Triệu – Phó trưởng phòng- Uỷ viên thư ký UBND huyện Phổ Yên- Phó chủ tịch, chủ tịch UBND huyện Phổ Yên, Phó bí thư, Bí thư huyện uỷ Phổ Yên

7. Đồng chí Hà Thế Mận, trú quán tại thị trấn Ba Hàng - Phổ Yên, Trưởng phòng Giáo dục huyện Phổ Yên, uỷ viên thường vụ, trưởng Ban tuyên giáo huyện uỷ huyện Phổ Yên.

8. Đồng chí Ngô Thượng Chính, quê quán xã Tân Phú, Phổ Yên, trưởng Phòng Giáo dục huyện Phổ Yên, huyện uỷ viên Phổ Yên, Phó giám đốc Sở giáo dục-ĐT tỉnh Thái Nguyên.

9. Đồng chí Nguyễn Văn Chính, quê Đông cao – Phổ Yên + Thái Nguyên- Trưởng phòng giáo dục, Phó chủ tịch UBND huyện Phổ Yên

10. Đồng chí Ngô Xuân Đài, quê xã Tiên Phong - Phổ Yên- Thái Nguyên, uỷ viên thường vụ, trưởng Ban tổ chức huyện uỷ huyện Phổ Yên, đã nghỉ hưu và đã mất.

11. Đồng chí Trần Thị Chín- Quê xã Đông Cao- Phổ Yên: Phó trưởng phòng giáo dục. Hội trưởng Hội Phụ nữ huyện, Phó chủ tịch UBND huyện, Phó chủ tịch HĐND huyện Phổ Yên.

## VI. GIÁO VIÊN THAM GIA CÁC BAN NGÀNH CỦA TỈNH, HUYỆN

1. Đồng chí Dương Đình Sỹ, quê xã Lợi Xá - Phổ Yên, Phó ty lương thực tỉnh Thái Nguyên, Yên Bái, đã mất.

2. Đồng chí Nguyễn Hữu Gia, quê xã Nam Tiến - Phổ Yên, Phó tổng biên tập báo Bắc Thái, đã nghỉ hưu.

3. Đồng chí Hà Văn Hào, quê xã Tiên Phong - Phổ Yên, kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Thái, đã nghỉ hưu.

4. Đồng chí Hà Văn Phú, quê xã Tiên Phong - Phổ Yên, trưởng ban thanh tra chính quyền huyện Phổ Yên, đã nghỉ hưu.

5. Đồng chí Đào Văn Tâm, quê xã Nam Tiến - Phổ Yên, giáo viên vào công tác miền Nam từ 1963, phó giám đốc Sở TĐTT - ĐT tỉnh Cần Thơ.



6. Đồng chí Nguyễn Văn Niêm, quê xã Tân Hương - Phổ Yên, chánh văn phòng UBND huyện Phổ Yên.

7. Đồng chí Nguyễn Văn Việt- Quê xã Hồng Tiến- Phổ Yên: Phó Văn phòng huyện Ủy, phó văn phòng UBND huyện, phó ban tổ chức huyện uỷ, phó trưởng phòng Tư pháp huyện Phổ Yên.

8. Đồng chí Phạm Quang Toàn - Phó văn phòng UBND huyện, Giám đốc Trung tâm chính trị huyện, Trưởng phòng TCLĐ huyện Phổ Yên.

9. Đồng chí Trần Thị Hoàn- Huyện uỷ viên- Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ huyện Phổ Yên.

10. Đồng chí Thái Văn Dũng- Bí thư huyện Đoàn, Uỷ viên ban thường vụ huyện uỷ, Trưởng Ban Tuyên giáo huyện Ủy Phổ Yên.

11. Đồng chí Nguyễn Thanh Hùng- Huyện uỷ viên- Bí thư huyện đoàn Phổ Yên.

12- Đồng chí Nguyễn Duy Nhất- Phó giám đốc Trung tâm dạy nghề huyện Phổ Yên.

## V. BIỂU THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI.

### I - KẾT QUẢ GIÁO DỤC MẦM NON

S T T	Năm học	Trường (nhà trẻ)			Lớp (nhóm trẻ)			HS( cháu nhà trẻ)		
		Tổng số	Công lập	Hệ khác	Tổng số	Công lập	Hệ khác	Tổng số	Công lập	Hệ khác
1	2000-2001	21	5	16	234	64	170	4631	1480	3151
2	2001-2002	21	5	16	240	69	171	4519	1435	3084
3	2002-2003	19	3	16	250	31	219	4806	664	4142
4	2003-2004	20	3	17	267	29	238	5031	622	4409
5	2004-2005	21	3	18	265	29	236	5124	626	4498
6	2005-2006	21		21	299		299	5524		5524
7	2006-2007	23		23	269		269	5438		5438

S T T	Năm học	Cô nuôi dạy			Phòng học			Chỗ ngồi		
		Tổng số	Công lập	Hệ khác	Tổng số	Công lập	Hệ khác	Tổng số	Công lập	Hệ khác
1	2000-2001	300	105	195	180	62	118	1453		3314
2	2001-2002	277	104	169	192	67	122	1442		3231
3	2002-2003	272	61	211	183	33	150	4539	631	3908
4	2003-2004	272	59	213	136	23	113	5031	622	4409
5	2004-2005	272	59	213	187	34	153	5031	622	4409
6	2005-2006	319		319	202		202	5429		5429
7	2006-2007	389		389	209		209	5511		5511

## 2 - KẾT QUẢ GIÁO DỤC CẤP TIỂU HỌC

S T T	Năm học	Tổng số trường	LỚP						HỌC SINH					
			Tổng số	Công lập	Nhà nước	2 buổi	9 môn	Ghép	Tổng số	Công lập	Nhà nước	2 buổi	9 môn	Ghép
1	2000-2001	27	520	520	56	225	520	5	15221	15221	2226	5741	15221	85
2	2001-2002	27	496	496	83	240	496	5	13989	13989	2609	6145	13989	84
3	2002-2003	27	472	472	143	304			13082	13082	4164	9120		
4	2003-2004	28	465	465	166	356		2	12427	12427	4736	7893		27
5	2004-2005	28	443	443	163	384		2	11527	11527	4632	7721		22
6	2005-2006	28	417	417	219	332			10820	10820	5777	10428		
7	2006-2007	28	409	10243		393						9878		

S T T	Năm học	Tổng số trường	CSVCS					ĐỘI NGŨ							
			Tổng số	Phòng học cấp 4	Phòng học cao tầng	Tạm	Tổng số đang sử dụng	Tổng số Biên chế	QL	GV	DD	TV TN	VP	HD	
1	2000-2001	27	406	336	18	52	732	704	56	587	21	13	27	28	
2	2001-2002	27	390	311	18	61	725	689	56	596	17	8	12	36	
3	2002-2003	27	400	288	18	94	733	684	57	614		1	12	49	
4	2003-2004	28	311	268	18	25	708	651	60	553	25		13	57	
5	2004-2005	28	446	277	122	43	694	634	59	542	20		13	60	
6	2005-2006	28	453	264	144	45	731	587	57	518			12	144	
7	2006-2007	28					731	587	57	518			12	144	



### 3 – KẾT QUẢ GIÁO DỤC CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

STT	Năm học	TS trường	LỚP			HỌC SINH		
			Tổng số	Công lập	Nhà nước	Tổng số	Công lập	Nhà nước
1	2000-2001	16	273	273	273	10543	10543	10543
2	2001-2002	16	292	292	292	11749	11749	11749
3	2002-2003	17	305	305	305	12021	12021	12021
4	2003-2004	17	298	298	298	11934	11934	11934
5	2004-2005	17	296	296	296	11618	11618	11618
6	2005-2006	17	283	283	283	10573	10573	10573
7	2006-2007	17	264	264	264	10238	10238	10238

STT	Năm học	CSVCS				ĐỘI NGŨ							
		Tổng số	Phòng học cấp 4	Phòng học cao tầng	Phòng học tạm	Tổng số đang sử dụng	Tổng số biên chế	Quản lý	Giáo viên	Đoàn Đội	Thư viện, thí nghiệm	Văn phòng	Hợp đồng
1	2000-2001	236	168	38	20	558	516	36	443	12	8	16	42
2	2001-2002	246	152	46	48	585	534	38	460	12	8	16	51
3	2002-2003	266	140	62	64	641	569	40	518			11	72
4	2003-2004	281	178	62	41	649	539	38	479	11		11	110
5	2004-2005	296	139	128	29	648	501	37	441	11	1	11	147
6	2005-2006	290	128	136	26	618	452	35	405		1	11	166
7	2006-2007	313	135	136	42	618	452	35	405		1	11	166



Nhà lớp học thuộc chương trình kiến cổ hoá trường học





Thể dục giữa giờ, một hoạt động thường xuyên của học sinh THCS



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời giới thiệu	5
- <b>Chương I:</b> Giáo dục huyện Phổ Yên thời phong kiến	7
- <b>Chương II:</b> Giáo dục của Phổ Yên thời thuộc Pháp (1884-09/03/1945)	14
- <b>Chương III:</b> Sự nghiệp giáo dục của huyện trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954)	19
- <b>Chương IV:</b> Sự nghiệp giáo dục của huyện trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chống Mỹ cứu nước (1955 – 1975)	31
- <b>Chương V:</b> Sự nghiệp giáo dục của huyện từ sau ngày thống nhất Tổ quốc (từ 1976 – 2006)	68
- <b>Kết luận:</b>	102

# LỊCH SỬ NGÀNH GIÁO DỤC PHỐ YÊN

---

## PHÒNG GIÁO DỤC PHỐ YÊN

Thị trấn Ba Hàng – Huyện Phố Yên

Điện thoại: 0280.863114

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

**NGUYỄN THANH CAO**

*Biên tập:*

**NGUYỄN TIẾN ĐẠT**

**NGUYỄN THÚY QUỲNH**

**ĐÀO VIỆT HẢI**

*Trình bày bìa:*

**KHẮC THIỆN**

*Sửa bản in:*

**HẢI THIỆN**

*Ảnh phụ bản:*

**TRẦN KIM PHONG VÀ ẢNH TƯ LIỆU**

---

In 1.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm Tại Công ty cổ phần In Thái Nguyên. Giấy phép XB số 07/GP-SVHTT cấp ngày 11-1-2007.  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1-2007.



in 1.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm Tại Công ty cổ phần in Fami  
Nguyên Giấy phép XB số 076/P-SVHTT cấp ngày 11-1-2007.  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1-2007.